

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

TRONG SỐ NÀY :

- Trường Khoa-học Đông-dương. của PHAN-QUÂN
- Trường Cao-dẳng Đông-dương hiện tại và tương lai.
của TÂN-PHONG
- Mấy điều cần biết về thể lệ trước-bạ các văn tự của
người Nam của VI-HÀ
- Sự kinh-doanh của khách trú tại Nam-kỳ. của T. K.
- Trách-nhiệm của các văn-sĩ và nghệ-sĩ.
của ĐÌNH-GIA-TRINH
- Xã-hội Việt-nam từ thế-kỷ thứ mười bảy,
của THIÊN-CHÂN
- Vấn-đề thanh-niên với quyển « Một nền giáo dục Việt-
nam mới ». của DIỆU-ANH
- Giáo dục thanh-niên và nền sơ-học ở nước ngoài.
của VŨ-ĐÌNH-HÒE
- Cái đồng hồ, truyện ngắn. của BÙI-HIỀN
- Đọc qua báo chí trong ngoài. của DUY-TÂM
- Thế giới trong tháng vừa qua. của V. L.
- Đứa con, tiểu thuyết dài. của ĐỖ-ĐỨC-THU

TRƯỜNG KHOA-HỌC ĐÔNG - DƯƠNG

của Phan-Quán

SẮC-lệnh ngày 26 tháng 7 năm 1941 và nghị-định ngày 5 tháng 9 đã định đặt ở Hà-nội một trường Khoa-Học.

Cách tổ-chức và nhiệm vụ của trường này thế nào, — đạo sắc-lệnh kể trên đã phác qua, và muốn cho rõ thêm, ta sẽ lấy thí dụ một trường khoa-học kiểu-mẫu ở Pháp là trường Khoa-học Paris.

* *

Nói về tổ-chức, ta có thể đứng về ba phương-diện: học-khóa chương-trình, giáo-huấn chức viên, và thí-nghiệm khí-cụ.

Học-khóa chương-trình thì ở đây cũng như ở các trường Khoa-học ở Pháp, chia làm ba khoa: Toán-pháp khoa, (Sciences Mathématiques), vật-lý khoa (Sciences physiques) và tự-nhiên khoa (Sciences naturelles). Duy có khác, là hiện nay ở trường Hanoi, mỗi khoa chỉ giảng một, hai môn: Thí dụ về Toán-pháp khoa thì chỉ có môn toán-pháp đại-cương (Mathématiques générales), về Vật-lý khoa chỉ có hóa-học đại-cương (chimie générale) và SPCN (Physique, chimie, histoire naturelle)... Còn như phần đông các trường khoa-học ở Pháp, mỗi khoa có giảng nhiều môn; thí dụ trường Khoa-học Paris niên-khóa 1938-39 về khoa toán-pháp có tới 13 môn, khoa vật-lý có 10 môn và khoa tự-nhiên cũng 10 môn. Trường giảng nhiều hay ít môn là do trình-độ quan trọng của trường và tính-cách thích - hợp của địa-phương; ta có thể chắc rằng một ngày kia, trình-độ khoa-học của ta sẽ tấn-bộ và ở trường Hanoi sẽ giảng những môn ứng-dụng cho nước ta như: môn Thảo-mộc canh-nông và kỹ-nghệ (Botanique agricole et industrielle) hiện chỉ giảng ở Rennes là đô-thị một miền canh-nông, môn Thạch-than hóa-học (chimie de la houille) hiện chỉ giảng ở Lille, là đô-thị một miền có than đá, vân vân...

Cứ trung-bình mà nói thì mỗi môn phải học một năm, vậy sinh-viên có bằng tú-tài phải đề trung-bình 3 năm học, đỗ được 3 môn tức là trúng cử bằng cử nhân khoa-học (Licence ès-sciences) (xem sắc-lệnh 22-1-1896, 8-8-1898, 6-8-1927, 26-2-1932 và 19-7-1932).

Về giáo-huấn chức-viên, điều thứ 2 và thứ 3 của đạo sắc-lệnh ngày 26-7-41 nói rằng cách xếp đặt và tuyển-cử y theo quy-mô và điều-kiện hiện-hành ở Pháp. Giáo-huấn chức-viên chia làm sáu bậc: 1) Giáo-sư (professeur) đều là những bậc lão-luyện, có bằng-cấp cao (ít nhất cũng phải là bằng khoa-học tiến-sĩ — Doctorat ès-sciences) và đã nổi danh về một môn trong khoa-học; 2) Giảng-sư (maitre de conférence) cũng là những điều-kiện làm giáo sư, nhưng ít kinh-nghiệm và ít sự-nghiệp khoa-học hơn. Trường thường ở trường khoa-học Paris, giảng-sư là những giáo-sư ở trường khoa-học các tỉnh, đã nổi tiếng xin về đó giảng: vì được giảng ở Paris là một danh-vọng tối cao. và ở Paris có rồi rào tài-liệu để học thêm. Làm giảng-sư lâu năm sẽ lên chức giáo-sư; 3) Thí-nghiệm trưởng-viên (Chefs de travaux): ít ra phải có bằng khoa-học cử-nhân; ở Paris, phần nhiều có bằng khoa-học tiến-sĩ

và cũng phải chuyên-môn; 4) Thí-nghiệm trợ-viên (Assistants) tương-tự như hạng trên, và lâu ngày sẽ lên được chức Thí-nghiệm trưởng-viên; 5) Phụ-giảng-sư (chargés de cours); 6) Trợ-thủ viên (préparateurs).

Cách xếp đặt thứ-vị và điều kiện tuyển-cử giáo-huấn chức viên là một vấn-đề rất quan-trọng. Thầy có hay học-trò mới khá, mà nền học mới vững bền chính-bị

Cho nên điều thứ 3 của đạo sắc lệnh đặt trường khoa-học Hanoi nói rằng « điều-kiện tuyển cử của chức viên giảng ở trường cũng y theo điều kiện hiện hành ở bên Pháp » thật là một nền tảng nó bảo lãnh cho trường khoa-học sau này được vững vàng và cả cho tiền đồ khoa-học nước nhà nữa. Và ta mong rằng ở khắp các trường khác ở Đại học Đông-Dương cũng sẽ có cái nền-lảng ấy.

Nhưng thầy giỏi cũng chưa đủ: ở Đại-học, thư-viện và thí-nghiệm phòng giữ một địa vị rất quan-trọng, nhất là về khoa-học. Như ở Paris, riêng về trường khoa-học (Faculté des Sciences) có tới 18 phòng thí nghiệm ở Sorbonne và 41 phòng ở ngoài: tổng cộng 59 phòng. Quỹ quốc-gia Pháp (budget de l'Etat) năm 1935 (là năm trung bình) giúp cho các trường Đại-học tất cả là 192.899.772f. (tiền khắp mọi thứ: lương bổng giáo chức, tu bổ học đường vân vân...) thế mà trong số đó có tới 7.577.110f. (1/25) về tiền thư-viện; và 21.597.310f. về thí-nghiệm phòng (1/9); cũng năm 1935 riêng về Tự-nhiên học-viện (Muséum d'Histoire Naturelle) ở Paris quỹ thường niên là 8.590.712f. mà riêng về khảo cứu thí nghiệm hết 2.743.310f (1/3).

Mấy con số đó chứng thực rằng muốn khoa-học tiến bộ phải bỏ nhiều tiền dùng về khí cụ và tài liệu.

Hiện nay công-quỹ Đông Dương giúp cho trường khoa-học bao nhiêu tiền đề sắm khí cụ và tài liệu về thí-nghiệm phòng, ta chưa được biết: xong ta chắc rằng trường khoa-học muốn làm nổi nhiệm-vụ mà người ta mong ước, thì tất phải có đủ phòng thí-nghiệm xứng với cái nhiệm vụ ấy.

* *

Cái nhiệm vụ ấy là thế nào?

Điều thứ 1 của đạo sắc lệnh 26-7-41 đã nói rõ: rèn đúc nhân-viên để ứng-dụng trong những công-cuộc hành-chính và kinh-tế ở Đông-Dương; và hơn nữa, tham-dự vào công cuộc khảo-cứu khoa-học của hoàn cầu và tìm những sự thực-tế ứng dụng cho nước ta.

Nhiệm-vụ đó không riêng gì trường khoa-học ta ở Đông-Dương; đó là nhiệm-vụ chung của tất cả các trường khoa-học trên thế-giới.

Ở các nước, người ta đã gánh nổi nhiệm-vụ ấy, thì chắc ở nước Nam anh em ta cũng có thể đảm đương: « gánh tuy nặng và đường tuy dài, nhưng học-trò không bao giờ nản chí ». (Nhiệm trọng nhi đạo viễn, sĩ bất khả dĩ bất hoảng nghị — Tang-Tử).

Trường Cao-dẳng Đông-Dương HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI

Mấy lời nói đầu

VIỆC lập từ khóa-học 1941-1942 này một trường Cao-dẳng khoa-học (École Supérieure de Sciences) ở Hanoi làm cho ta có dịp nói đến sự tổ-chức bậc đại-học ở đây. Thật ra thì trường Cao đẳng Đông-Dương (Université indochinoise) lập ra đã hơn hai chục năm nay; cái danh-từ ấy bây giờ vẫn còn dùng, nhưng từ các ban đại-học năm 1917-1918 đến các ban đại-học bây giờ, sự tổ-chức ở trong cũng như trình-độ giáo-sư và sinh-viên đã thay đổi đi nhiều.

Mà chính bây giờ cái danh-từ chung « Cao-dẳng Đông-Dương » cũng còn dùng để gồm nhiều trường có tính-cách khác nhau.

Tại Pháp, nền đại-học (enseignement supérieur) giầy trong các trường Đại-học (facultés) và các trường cao-dẳng (écoles supérieures).

Hai thứ trường đó tổ-chức khác nhau mà mục-dịch theo đuổi cũng khác nhau: đại-đề thi sự vào các trường đại-học bao giờ cũng được tự-do chỉ cần có đủ văn bằng về bậc trung-học (ta gọi là bằng tú tài) và không hạn tuổi; chương-trình học thì thường chú trọng về nguyên tắc. Trái lại, các trường cao-dẳng mà ở Pháp người ta còn gọi là « trường cao » (grandes écoles) thì tổ-chức theo một lối riêng: sinh-viên phải qua một kỳ thi rất khó, số người lấy hàng năm chỉ có hạn và hạn tuổi rất ngặt; khi đã vào rồi thì tại nhiều trường học-sinh ăn ở ngay trong trường và tuân theo một kỷ-luật riêng. Trường-chinh học khác với các trường đại-học và thường chuyên về một môn mục-dịch là rèn luyện học-trò cho hiểu-thấu môn đó để khi tốt nghiệp ra thì có thể thành những người vừa hiểu thấu nguyên-tắc của khoa mình học mà vừa có thể bắt đầu công-việc thực hành được.

Đại-khai thi mỗi Uni- có 5 trường đại-học (Thuốc, luật, văn-đương, khoa-học, bảo-chế); còn các trường « cao » có tiếng thì có các trường Normale Supérieure (Cao-dẳng Sư Phạm), Polytechnique (Bách khoa), Ponts et chaussées (Cầu cống), Centr. le des mines (Mỏ), Hautes études commerciales (Cao-học thương-mại), Institut agronomique (Canh-nông) v. v

Trước năm 1932, sự tổ-chức bậc đại-học ở Đông-dương không có chỗ nào giống ở Pháp cả: ngay

sau khi lập trường Cao-dẳng, người ta có lập ra nhiều ban cũng gọi là Ecoles supérieures, nhưng các ban đó không có liên-lạc gì với các trường Cao-dẳng bên Pháp. Bấy giờ người ta chỉ chú trọng đến sự đào-luyện viên-chức có thể giúp ích trong việc cai-trị xứ này, nên tổ-chức sự học theo sự nhu-cần ấy: trong thời-kỳ đó, các sinh-viên cao-dẳng có một điều lợi là học xong là có chỗ làm ngay.

Tới năm 1932 những nguyên-tắc tổ chức bậc đại-học ở Pháp mới bắt đầu đem thực-hành ở Đông-Dương: năm đó bắt đầu mở các trường Cao-dẳng luật, thuốc và Bảo-chế (1). Với sự lập trường cao-dẳng khoa-học năm nay, trường Cao-dẳng Đông-Dương chỉ còn thiếu có trường Cao-dẳng Văn-chương nữa thì thành một trường Đại-học đầy đủ (Université) như ở Pháp.

Điều ta đáng chú-ý là tuy gọi là các trường Cao-dẳng (Ecoles supérieures), trường Luật, Thuốc, Bảo-chế và Khoa học ở đây theo chế-độ các ban Đại-học (facultés) Pháp. Và ở các trường đã khai giảng rồi, trình-độ học trò cũng ngang với trình-độ trung bình các sinh-viên đại-học Pháp.

Bên ba trường kể trên, tại trường Cao-dẳng Đông dương còn có hai trường Mỹ-thuật và Nông-lâm cách tổ-chức dựa theo các trường cao-dẳng (Ecoles supérieures,) Pháp; nhưng cách chọn lọc học trò và cách giảng giầy trong trường khác hẳn với các trường « cao » ở Pháp.

Dưới đây xin nói đại-lược về từng trường.

I

Trường mỹ-thuật

của NGHỆ-SĨ

Sáng lập do nghị-định Chính-phủ ngày 27 octobre 1924, trường mỹ-thuật khởi thủy có hai ban chuyên môn: ban kiến-trúc và ban hội-họa, điều khác. Nghị-định ngày 24 Mai 1938 tổ chức lại trường mỹ-thuật đặt thêm môn sơn ta (laque) vào ban hội-họa, điêu khắc, và dưới những ban Cao

(1) Trước năm ấy, ở trường đào-luyện các y-sĩ đông-dương cũng đã có lớp riêng giầy học trò có tú-tài theo chương trình, ban y-khoa bác học nhưng học trò phải sang Pháp mấy năm cuối thì mới học đủ chương-trình và thi-tốt-nghiệp.

Học Mỹ-thuật ấy đặt thêm ban mỹ-nghệ gồm các nghề : đồ gỗ, đồ trạm và đồ gốm.

Muốn thi vào ban Cao-học, về kiến trúc phải có hoặc bằng Cao-đẳng tiểu học, hoặc bằng Tú-tài toán pháp ; khi đỗ, có bằng trên, vào năm thứ nhất ; có bằng dưới được học ngay năm thứ hai. Về phần Hội-họa, Điêu-khắc và sơn ta, thi vào chỉ cần bằng Sơ-học Pháp Việt. Niên hạn chung cả các ban là năm năm. Tốt nghiệp ở ban kiến trúc được bằng Kiến-trúc-sư Đông-dương, hay nếu thi ra không đỗ, được bằng tham tá ngạch kiến-trúc. Còn đỗ ra ở ban Hội họa, Điêu khắc và Sơn ta được bằng chuyên nghiệp riêng về từng môn đó.

Cách bổ dụng giáo sư giấy trường mỹ-thuật không có định lệ. Số đông là những người được giải thưởng La mã (Prix de Rome), giải thưởng Quốc-gia (Prix national), giải thưởng Đông-dương (Prix d'Indochine) ; Rồi đến những giáo-sư chuyên nghiệp và vài cựu sinh viên tốt nghiệp ở trường mỹ-thuật Đông-dương.

Đặc tính về sự học của trường là bảo tồn tinh cách mỹ-thuật Á-đông. Trong cách giấy thưởng vẫn lấy những gương mỹ-thuật Tàu, Nhật, An-nam làm mẫu. Mục đích để ngăn ngừa những khuynh hướng Âu-hóa vô ý thức. Độ dăm năm nay, ta nhận thấy ảnh hưởng Tàu, Nhật biểu trưng do sự tìm tòi của vài nghệ-sĩ theo đuổi công việc tạo nên một mỹ-thuật Việt-nam có tính cách riêng.

Niên hạn năm năm không phải đủ để thành những nhà mỹ-thuật hoàn toàn. Song đem trình độ nghệ-sĩ của trường mỹ-thuật so sánh với nghệ sĩ nước ngoài thì cũng không đến nỗi quá kém. Họa-sĩ An-nam đã trưng bày tác phẩm ở Pháp từ năm 1931, đã được nhiều chứng cứ để tin ở mình và ở tương lai tươi đẹp của mỹ-thuật Việt-nam. Một điều nữa đáng mừng là mỹ-thuật ấy đã bắt đầu len lỏi một cách bạo dạn vào đời người An-nam mà trước kia, vì nhiều nhẽ, sống sao hay vậy, không thấy cần phải tô điểm cuộc đời cho thích sống. Trong cách mặc, trong chỗ ở, trên báo chí, ảnh hưởng mỹ-thuật càng ngày càng rõ.

Nhưng có phải vì thế mà nghệ-sĩ ta có cách chuyên nghệ không ? Riêng về ban hội họa một số rất đông bỏ nghề, vì nghề không nuôi nổi được người. Mười người được bổ làm giáo-sư họa học, trông vào lương nhà nước để theo đuổi nghệ-thuật. Còn một số ít nghệ-sĩ nữa, nhờ những cuộc trưng bày mỹ-thuật hàng năm để nuôi sống mình và nghề.

Hiện có hai cơ-quan giúp các nghệ-sĩ ; Hội Việt-nam mỹ-thuật (SADAI) và Hợp-tác-xã của cựu Sinh-viên trường mỹ-thuật, có Chính-phủ cho vay tiền làm vốn. Những hội đó tìm việc làm cho nghệ sĩ và tổ chức những Phòng triển lãm mục đích giáo hóa công chúng về mỹ-thuật và để làm tiêu thụ tác phẩm của nghệ-sĩ.

Phần đông công chúng Annam tri thâm-mỹ còn non. Không chiều công chúng thì nghề khó sống vì không người dùng. Chiều họ thì nghề cũng chết về sự lụn bại của mỹ-thuật.

Sống riêng với công chúng không nổi. Phải dựa vào sự khuyến khích của các Hội và thư nhất là của Chính-phủ, những khuyến khích mà ta mong càng ngày càng tăng lên. Nghệ-sĩ có cách sống thời nghệ-thuật mới sống, mới có cơ tăng tiến.

II

Trường Cao - đẳng Luật - học

của TÂN - PHONG

Cũng như ở Pháp, học-sinh có bằng tú-tài (bắt kỳ là Triết-học hay Toán pháp) có thể xin vào học ở trường Luật, không phải thi mà cũng không hạn tuổi.

Hạn học là ba năm, mỗi năm phải qua một kỳ thi. Thi xong hai kỳ (tức là hai năm) đầu thì được danh-vị là Tú-tài Luật (Bachelier en droit), danh vị đó không cho một thứ quyền lợi gì cả. Muốn được hưởng quyền-lợi về sự học luật phải đỗ nốt văn-bằng năm thứ ba, để thành cử-nhân luật-khoa.

Thi mỗi kỳ có hai bài viết, và các bài vấn đáp nhiều ít tùy theo chương-trình học trong năm. Riêng năm thứ ba, sau kỳ thi viết, thi sinh còn phải qua hai kỳ vấn đáp thì mới đỗ hẳn.

Chương-trình học, sau mấy lần sửa đổi nay giống như chương-trình dạy trong các trường Đại-học Luật ở Pháp : năm đầu các môn chính là Dân Luật, Luật La-mã và Kinh-tế-học ; năm thứ nhì, ngoài ra còn học thêm Hình-Luật, Luật cai-trị Pháp ; môn quan trọng nhất ở năm thứ ba vẫn là Dân-Luật cũng như ở hai năm đầu, nhưng học thêm Luật Thương-mại, Luật Quốc-tế và Dân-sự-tổ-tụng.

Chính nhiều nhà thông-thái Pháp đã công kích lối dạy Luật ở các trường Đại-học Pháp, vì sự học ấy đại-cương quá và không chia ra từng môn riêng ngay lúc đầu nên sau ba năm học chương trình Luật-kb cử-nhân, người sinh viên chưa biết tưở một thứ gì để có thể đem ra thực-h. Nhưng cũng có người cho sự dạy như thế phải, vì tập cho sinh-viên biết trông rộng ra ngoài khoa mình sẽ chuyên. Đây không phải là chỗ bàn về điều tranh-luận đó Ta chỉ nên nhắc lại rằng các khoa dạy ở trường Đại học Luật ở Pháp thường đem dạy trong các trường khác nhau ở Đức và ở Anh. Thí dụ như môn kinh tế học thì giấy chuyên ở các trường riêng và chung với những khoa-học mật-thiết với khoa đó, như khoa thống kê (statistique), khoa dân-số (démographie) v. v. Vì thế về kiến-thức (cul-

ture générale) có nhẽ sinh-viên các nước ấy không bằng sinh-viên Pháp, nhưng về khoa chuyên-môn (technique) thì họ đã được rèn luyện đầy đủ hơn nhiều.

Lối học ở trường Luật khác hẳn với lối học ở trường trung-học hay sơ học: sinh-viên chỉ phải đến giảng đàn để nghe và biên chép ấy những lời giảng của giáo-sư: đúng lẽ, thì ai cũng phải đến nghe giảng nhưng thật ra theo thói quen ở các trường đại-học, không ai kiểm-soát, nên sinh-viên được hoàn toàn tự-do: khi giáo-sư giảng hay thì đông người nghe, khi giảng khó hiểu thì trong giảng đàn thường chỉ có loáng thoáng người.

Ngoài các bài-giảng (cours), mà sinh-viên có thể mượn lẫn của nhau hay tìm trong sách mà học, nhà trường còn tổ-chức những cuộc diễn-luận gọi là *conférences facultatives* ai muốn dự thì phải trả thêm tiền. Chính ở những cuộc diễn-luận này thầy giáo mới quen học-trò, vì mỗi lần họp, thầy giáo thường chọn một vấn-đề cho một sinh-viên khảo cứu và đưa lên giảng, rồi sau đó có cuộc bàn cãi giữa diễn-giả và thính-giả cùng những nhời phê-bình của giáo-sư.

Người ta đã nghiệm rằng sở dĩ trình-độ sinh-viên học Luật ở Pháp và ở đây bị kém là vì các cuộc diễn-luận không có tính-cách bắt buộc, nhiều sinh viên bỏ cả ngày tháng để chơi bời, đợi đến cuối năm mới học vội đề thi đỗ.

Tại Pháp mới có huấn-lệnh bắt buộc sinh-viên phải dự vào các conférences. Huấn-lệnh ấy hiện chưa thi-hành bên này, vì sự thi hành đó gặp một sự khó khăn là ở đây giáo-sư ít và không có người giúp việc để thay mặt mà trông nom các cuộc diễn-luận cho được chu-đáo. Ở Pháp, nhất là ở Paris, hay ở nước ngoài, như Nhật-bản, sự tổ-

chức công việc ấy để thực hành hơn vì mỗi giáo-sư thường có một số học-trò giỏi giúp việc (assistants), hoặc giúp không hoặc do trường Đại-học cho phụ-cấp.

Ở trường Luật, ngoài các cuộc thi lấy bằng cấp (examen) cuối năm, còn có một cách tổ-chức nữa để khuyến khích sinh-viên xem xét ra ngoài sách học thường ngày và tập luyện lấy sự suy nghĩ riêng: là những cuộc thi định trên-dưới hàng năm (concours de fin d'année). Trong các cuộc thi này người ta chọn một đầu đề khó không có sẵn trong sách để bắt thí-sinh làm một công việc có tính cách riêng của mình. Sinh-viên không bắt buộc phải dự cuộc thi ấy, nhưng ai được thưởng nhất nhì trong cuộc thi thì được miễn học-phi trong năm học sắp tới mà được coi là *thủ-khoa* (lauréats) trong lớp mình. Các giáo-sư chú trọng đến kết quả cuộc thi này lắm. Một số đông những nhà luật-gia có danh tiếng thường đã để những dấu vết vẻ vang ngay từ các cuộc thi cuối năm buổi đầu.

Hàng năm, bên Pháp còn tổ-chức cuộc thi trên-dưới chung cho tất cả sinh-viên năm thứ ba của tất cả các trường đại-học Luật; được thưởng trong cuộc thi này là một điều vinh-dự vô cùng. Trường Luật-học Hà-nội chưa có người dự vào cuộc thi này lần nào — một phần vì cách trở với mẫu-quốc nên sự trao-đổi bài vở không tiện.

Tuy vậy hàng năm trường Luật ở đây vẫn có liên-lạc mật-thiết với trường Đại-học Luật Paris, vì theo sắc lệnh hiện hành thì mỗi năm có một vị giáo-sư ở Paris được cử sang đây để làm chánh chủ-khảo các kỳ thi và để kiểm-soát sự giảng-dạy ở Hà-nội.

(Còn nữa)

B u t a

là thứ ngòi bút mới nhất làm bằng
thép riêng, bền ngay, lâu rỉ,
đựng nhiều mực, dùng được cả
trăm ngòi, khác với ngòi bút nơi khác
làm bằng sắt tây, không có khóa, chưa
viết đã cong, trong trăm ngòi may được
vài ba ngòi. Ngòi Buta đã được rất nhiều
các quan chức đề ý tới và khen ngợi. Ngòi
Buta do nhà máy Đông Ba chế tạo. Mua
buồn xin gửi về nhà in:

CỘNG - LỰC, n° 9 Rue Takou. Hanoi
Téléphone: 962

Hội Truyền Bá Học Quốc-Ngữ

Ngày 12-9-1941, quan Toàn-quyền đã ký nghị-định cho Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ được năng-lực pháp-luật (Thông-Pháp Quan-Báo số 76 ra ngày 17-9-1941).

Hội lại vừa nhận được giấy bút và tiền của mấy vị xa gần gửi giúp:

Mấy ông công chức vô danh ở Hanoi cho giấy và ngòi bút đáng giá 12p.;

Mấy ông công chức sở Địa-chính Bắc-kỳ ở Hanoi gửi cho 6p.;

Một bạn thanh niên vào làm việc trong Nam 10p.

Hội xin cảm tạ các nhà hảo tâm đã giúp Hội.

H. T. B. H. Q. N. lại cáo.

6

MÁY ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ THẺ LỆ...

của VỊ HÀ

NGƯỜI ta thường nói : « đem văn-tự đi trước-bạ » hoặc « đem trình văn-tự ở sở trước-bạ », Những tiếng ấy đối với nhiều người còn là một sự bí-mật. Cũng có người dẫu đã đến sở trước-bạ để trình văn-tự rồi, mà cũng không biết đem trình thì ích lợi gì, và sở trước-bạ họ sẽ làm những trò gì.

Vì không biết như thế, nên lắm người, mỗi khi phải đến sở Trước-bạ (hay là sở Văn-tự) là mỗi lần phải lo lắng : lo rằng chẳng biết có xảy ra chuyện khó khăn gì không, chẳng biết người ta có nhận văn-tự mà duyệt cho mình không, hay là văn-tự không hợp thức, cùng trăm thứ lo khác nữa. Sự lo sợ như thế cũng có một vài phần có lý ; nhưng xét kỹ là do sự không biết mà sinh ra. Nếu ta hiểu biết thẻ-lệ trước-bạ định như thế nào, thì tất nhiên sự lo lắng ấy sẽ không có nữa.

Thẻ lệ ấy thế nào ?

Và trước hết ta hãy hỏi : « Trước-bạ » là gì đã.

Trước-bạ là gì ?

Luật trước-bạ thì hành ở Đông-dương tính đến nay chưa quá 50 năm. Trừ xứ Nam-kỳ và các nhượng-địa ở Bắc-kỳ là Hà-nội và Hải-phòng, là những nơi đã thi-hành luật trước-bạ các văn-tự cho người Nam từ năm 1865 và năm 1894, còn toàn-thể xứ Đông-dương mới có lệ trước-bạ văn-tự của người bản xứ từ ngày thi-hành nghị-định ngày 13 tháng một tây năm 1900. Nghị-định ấy đã sửa đổi một vài lần ; đạo nghị-định hiện đang-thi-hành là nghị-định quan Toàn-quyền ngày mồng 6 tháng một nam 1929 từ điều 131 cho tới điều thứ 151 (đăng ở Quan báo Đông-dương năm 1930, trang 2717).

Theo nghị-định ấy, thì các văn-tự mua bán, cầm cố, thuê lằng giữ các nhà cửa hoặc đất cát hoặc các cửa hàng nhà buôn, và các chúc thư, các tờ chia nhà cửa, gia sản, đều phải đem đến duyệt ở sở Trước-bạ văn-tự. Ngoài những văn-tự ấy, các giấy má khác không bắt buộc

phải trước-bạ, trừ khi đem ra trình tòa án, hoặc đem dùng làm gì ở một sở công thì phải đem duyệt ở sở trước-bạ trước đã.

Khi ta đem văn-tự đến sở trước-bạ, thì viên chủ-sự sở ấy, xét xem nếu văn-tự hợp lệ thì nhận để duyệt, nghĩa là ghi vào một quyển sổ dùng để duyệt văn-tự, tên họ, nghề nghiệp, chỗ ở, của hai bên ký kết với nhau, với những điều cần thiết trong văn-tự. Tùy theo văn-tự là văn-tự mua bán, hay là cầm 'cố, phân chia tài sản, vân vân, sẽ tính một số tiền mà người đi duyệt văn-tự phải trả trước ngay thì mới có thẻ duyệt được. Số tiền ấy là tiền thuế duyệt văn-tự, thường gọi là thuế trước-bạ.

Vậy nói tóm tắt, đem đi trước-bạ văn-tự tức là đi trả một số tiền thuế để Nhà nước duyệt văn-tự cho mình. Văn-tự đã duyệt rồi sẽ có đóng một dấu chỉ rõ rằng văn-tự đã duyệt ở tỉnh nào, ngày nào, ghi vào sổ trước-bạ quyển nào, tháng nào, ô thứ mấy, và số tiền thuế đã đóng là bao nhiêu. Rồi đến chữ ký của viên chủ-sự văn-tự, để chứng thực rằng văn-tự mình đã duyệt rồi.

Duyệt như thế, có ích gì thêm cho bức văn-tự của mình không ? Hay chỉ là một cách đóng thuế, như thuế nhà đoan, thuế môn bài, thuế thờ-trạch mà thôi ?

Các đặc-điểm của thuế trước-bạ so với các thứ thuế khác là ở chỗ này. Người đóng thuế phải trả một số tiền cho Nhà nước, nhưng lại được thêm vài điều ích-lợi cho bức văn-tự của mình.

Đem duyệt văn-tự, thì :

1) Sẽ biết văn-tự của mình có hợp lệ không.
2) Văn-tự của mình có một ngày tháng chắc chắn.

3) Và nhất là văn-tự của mình không sợ thất lạc và sẽ được bảo vệ rõ ràng,

Có người tin rằng văn-tự có đem trước-bạ thì mới có giá trị, như thứ là sai. Văn-tự một khi làm hợp lệ rồi thì bao giờ cũng có giá-trị. Đem trước-bạ hay không đem trước-bạ cũng không đổi thay cái giá-trị của nó. Tòa pháp án đã xử ngày 13 tháng chạp nam 1900 rằng :

...TRƯỚC BẠ CÁC VĂN-TỰ CỦA NGƯỜI NAM

«Sự trước bạ không liên can gì đến trong lòng bức văn-tự, trước bạ chỉ là một qui-thức bề ngoài dầu có hay không, dầu đúng lệ hay không đúng lệ, cũng không làm cho một bức văn-tự hay khế ước thành ra vô hiệu được, trừ ra văn tự nào luật pháp bắt phải trước-bạ mới có hiệu lực mà không đem trước-bạ thì mới trở nên vô hiệu mà thôi.» (D. P. 1904-1-251, S.1904-1-931).

Vậy mà theo dân-luật của người Nam ta không có một thứ khế-ước nào cần phải đem trước bạ mới có hiệu lực. Vậy thì đối với những khế ước của người Nam, việc trước-bạ chỉ có ích được ba điều vừa kể trên, mà ta sẽ xét rõ trong ba đoạn sau này.

A. — Đem trước-bạ văn-tự, sẽ biết rằng văn-tự làm có hợp lệ hay không

Theo nghị-định ngày mồng 6 tháng một tây nam 1929 (điều thứ 131 và 132) những văn-tự bán, nhượng, cho cầm cố hoặc chuộc các động-sản hay bất-động-sản, của người Nam, với những chúc-thư và những tờ phân-chia tài-sản. nếu không muốn làm trước mặt nò-te, có thể làm ở nhà, rồi lấy chữ trưởng-bạ, và lý-trưởng thị-thực là đủ. Ở các thành phố, không có trưởng-bạ, thì chỉ một người lý-trưởng hay trưởng-phổ thị-thực mà thôi. Văn-tự có thể làm bằng chữ hán (chữ nho), chữ quốc-ngữ, hay chữ tây cũng được.

Phải theo đúng lệ như thế, mới có thể đem trước-bạ được. Và khi đem trước bạ, phải đem ít nhất là hai bản chính (nghĩa là hai bản có chữ ký kết, chứ không phải bản sao). Trước bạ xong, sổ trước-bạ sẽ giữ lại một bản chính để ở sở.

Còn những văn-tự khác, không phải theo thể lệ như thế, thì dụ như ta có thể mang một bức thư, một cái biên lai tiền đóng họ, hay một cái biên lai tiền thuê nhà, v. v. đi trước-bạ; những những giấy tờ này không phải có chữ thị-thực của ai hết, và cũng không cần có hai bản chính.

Tuy nhiên, phải nên biết rằng, những giấy mua bán nhà đất đem đến sở trước-bạ, người chủ sự phòng trước-bạ chỉ xét về hình-thức những văn-tự ấy có đủ hay không mà thôi, còn những thể-lệ về — thì dụ như xem những người làm việc với nhau có đủ quyền-lực hay không, xem cái nhà hay thửa ruộng mà người đứng bán đem bán có thật là của người ấy không, — thì người chủ-sự phòng trước-bạ không biết đến.

Vậy thì những văn-tự mua bán, cho, chia, v. v. được vào sổ văn-tự mới chắc là hợp lệ về hình thức mà thôi, còn về nội-dung lại là một việc khác,

B. — Những văn-tự và các giấy má đem trước-bạ sẽ có ngày tháng nhất định

Mỗi khi một giấy tờ gì đã trước-bạ rồi, thì viên chủ - sự phòng trước - bạ sẽ chua ngày tháng nào giấy tờ ấy đã đem đến trước bạ. Ngày tháng ấy là ngày tháng nhất định, chắc chắn, tỏ ra rằng giấy tờ ấy có trước ngày trước bạ ấy, chứ không phải sau này có truyền cần đến mới làm và mạo ngày tháng ra,

Điều này cần nhất cho các giấy tờ hoặc văn tự không cần chữ thị-thực của hương lý, thí-dụ như văn tự cho thuê nhà, thuê đất, giao kèo với các nhà buôn, thầu khoán v. v. Còn những văn-tự có chữ thị-thực của hương-lý thì không quan tâm cho lắm vì cái ngày thị-thực đã đủ chắc chắn và nhất-định rồi. Nhưng đối với những thư văn tự này, việc trước-bạ có một điều ích-lợi thứ ba không phải là nhỏ.

C. — Những văn-tự đã trước-bạ rồi sẽ không sợ bị thất lạc, và được công-bố rõ ràng

Trên kia ta đã nói rằng những văn tự mua bán nhà cửa đất cát, những văn tự cầm cố, chuộc hay tặng dùm, những chúc thư và những tờ chia tài sản, phải làm thành hai bản chính là ít nhất; trước bạ rồi, sổ trước bạ sẽ giữ lại một bản chính. Bản chính ấy để ở sở trước bạ, để sau này, nếu người chủ nhà, chủ đất, hay con cháu người ta làm thất lạc mất văn tự, có thể đến sở Trước bạ xin một bản sao thay vào. Bản sao này có chữ của viên chủ-sự phòng trước bạ thị thực, mà cũng giá trị như bản văn tự chính vậy. Muốn xin bản sao ấy, chỉ phải nộp một số tiền lệ là 2\$50 (bảy giờ là 3\$00 tính cả tiền thuê ngoại phụ) thôi.

Còn những giấy má không cần để một bản ở sở Trước bạ, nếu đánh mất, cũng có thể xin một bản trích lục quyền sở trước bạ, sẽ biết những điều cần thiết trong tờ giấy mà mình đã đánh thất lạc mất. Chỉ có những người có tên trong những giấy má ấy, hoặc con cháu người ta mới có thể xin được tờ trích lục. Người ngoài cuộc phải có tòa án cho phép mới có quyền xin được.

Trước bạ có ba điều ích lợi cho ta như thế. Nhưng ta không nên quên rằng nó là một thứ thuế, một thứ thuế có khi bắt buộc phải trả trong một thời hạn nhất định. Cho nên ta phải biết thể lệ thu thứ thuế ấy ra sao. Chúng tôi sẽ bàn về những thể lệ ấy trong một kỳ sau.

VỊ - HÀ

SỰ KINH DOANH CỦA KHÁCH-TRÚ TẠI NAM-KỲ

của T. K.

Saigon, Aout 1941

Sự thương-mại của khách trú trong Nam tổ-chức rất chu đáo. Sự tổ chức ấy dựa vào tinh thần đoàn thể của họ đã khiến cho họ nắm được trong tay nhiều mối lợi lớn.

Trong việc buôn bán, có hai phần tử rất hoạt động làm cho những hãng lớn nhập cảng hoặc xuất cảng sống và thịnh vượng :

1° những tiệm nhỏ trực tiếp với những nhà tiêu thụ — cũng có khi với những nhà xuất sản.

2° những má-chín trực tiếp với những tiệm nhỏ và cả những nhà xuất sản.

Nay ta thử xét lần lượt hai phần tử đó.

Những tiệm khách trú

Một tiệm khách trú đại lược có một chú « si thần » đứng chủ-trương, vài ba chú « phở ky » làm công và một chú « tài phú » giữ sổ sách. Nhưng thường có những đặc điểm sau này :

1° không có sự phân biệt giữa chủ và những người làm công : họ ở cùng nhà, ăn cùng mâm, khi chủ đi vắng những người làm công có thể thay chủ tính mọi công việc kể cả chuyện tiền nong.

2° tiền công định trước với nhau nhưng những người làm công phần nhiều tiêu sài rất ít, thừa bao nhiêu cứ gửi ở tiệm, cuối năm chủ tính lãi cho theo số tiền vốn gửi.

3° một vài năm các chú làm công đã chộp vốn có thể xin chủ ra mở riêng hoặc mở với nhau một tiệm nhỏ ở một khu khác hay một tỉnh khác ; nếu có thiếu tiền, thường chủ cũ cũng giúp cho.

Do sự cộng tác mật thiết và sự tương trợ lâu dài đó mà họ đã được nhiều điều lợi :

**Thông hiểu sự vật
và tư tưởng...**

1° những chú si-thần phần nhiều xuất thân là phở-ky nghĩa là đã qua một thời kỳ tập sự ; vậy họ sẽ lành nghề hơn mọi người.

2° những tiệm cũ sẽ nhả ra nhiều tiệm nhỏ rải rác khắp xứ như mạng nhện. Những tiệm nhỏ đó không phải là chi điểm của « tiệm mẹ » vì được toàn quyền giao dịch, hơn nữa là được sống độc lập, nhưng vẫn liên lạc mật thiết với nhau, nhất là tiêu thụ những hàng của « tiệm mẹ » hoặc tìm sản vật cho « tiệm mẹ ».

Rồi tiệm nào tiệm nấy đều phát đạt. Một là vì suốt đời, những chú si-thần vẫn sống như bọn phở-ky, lấy công làm lãi và tiêu pha rất ít. Hai là vì họ chịu mua chuộc các đàn anh trong vùng và chịu đựng những sự cữ-chỉ lỗ mãng của khách hàng. Ta không nên quên rằng sự giao thiệp giữa khách trú và đồng bào trong Nam thường là rất thân mật vì họ gần gũi nhau từ ngót 300 năm nay. Người Nam mình ở đây có thể gọi là đã bị « chiệp hóa » ít nhiều ; những vụ kết hôn Hoa-Việt thường nhiều hơn ở ngoài Bắc. Và lại dân quê rất sợ những giấy má phiền phức, vì vậy mà họ ưa mua bán với khách trú hơn là với người Pháp hay người ngoại quốc.

Những má-chín

Đứng làm trung-gian cho những hãng buôn, những nhà băng và các tiệm nói trên là những « má-chín ». Má-chín đây là những người được nhiều tin nhiệm của chủ hãng và được hãng giao cho cái trọng-trách đi kiếm khách hành khắp lục tỉnh khi được trọng dụng thì hãng khá ết đến khách hàng mà chỉ biết đến họ. Nam íng má-chín đều là khách trú cả. Sự đó không lấy gì làm lạ, không những là vì khách trú thạo về đường thương-mại, không những họ được đoàn thể chịu tiến dẫn cho, mà họ còn biết rõ những tiệm của người họ. Nhờ những má-chín đứng làm môi-giới mà các tiệm thu được những lợi này : Một là họ có thể vay tiền nhà băng một cách dễ

(Xem tiếp trang 11)

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC VĂN-SĨ VÀ NGHỆ-SĨ

của ĐINH-GIA-TRINH

NHÀ văn, nhà thơ viết một tác phẩm là ném vào đời những tư tưởng, những tính tình, những rung động. Trong cái « bề người », những tư tưởng đó sẽ truyền lan đi, gặp sự tán thành của một số tâm hồn xa lạ; những tính tình, những rung động diễn tả trong thi ca (thề như theo luật phối hợp của Gide) cũng sẽ làm thức tỉnh giấy ở lòng nhiều người những tính tình tương tự. Nhà nghệ sĩ, theo đuổi một mộng đẹp, đem dùng cả các năng lực quý báu của tâm trí để kết tạo nên một pho tượng, một bức họa, một bản đàn. Pho tượng, bức họa, bản đàn ấy sẽ có sức cảm động lòng người, khiến người ta tưởng tượng, cảm xúc, sống trong chốc lát hoặc lâu dài một đời khác với đời thực tại nôm na và bằng phẳng.

Sức cảm hóa của văn chương và của nghệ thuật là một điều hiển nhiên. Những kẻ khinh sự truyền bá tư tưởng bằng văn chương, coi những trang sách như một vang bóng vô ích chỉ là những kẻ xét đoán hẹp hòi. Ở Tây Phương có những cuốn sách chỉ phối tư tưởng và sinh hoạt tinh thần của cả một thời đại. Nhiều cuốn sách có sức mạnh hơn gươm đao; nhiều tác phẩm đem lại cho xã hội một quan niệm mới về cuộc đời, những hoài vọng, những băn khoăn mới về một cuộc cách mệnh về tinh thần. Những tác phẩm của Khổng, Mạnh, chẳng đã hướng dẫn sống của cả một phần nhân loại trong bao nhiêu thế kỷ đó hay sao? Vì lẽ đó Paul Bourget đã viết: «*Đời tinh thần trong một xã hội văn minh gồm có nhiều nguyên tố hợp lại. Văn chương là một nguyên tố ưu đẳng. Quyền sách là một người hướng dẫn quan trọng vô cùng*». (Essais de psychologie contemporaine quyền I)

Trong bài này ta không bàn tới sự liên lạc của văn chương với những vấn đề chính trị và xã hội. Ta chỉ muốn xét riêng sự liên lạc của văn chương với luân lý. Văn chương và nghệ thuật có những âm hưởng sâu xa mạnh mẽ ở tâm hồn người ta như vậy, thì nhà văn và nhà nghệ sĩ phải quan niệm nhiệm vụ của mình ra sao? Luân lý, đạo đức, trong mỗi xã hội, đã định sẵn một ít lý tưởng được coi là xứng đáng, lành mạnh, giúp cho sự hưng thịnh phát đạt của đoàn thể. Đi ra ngoài những con đường đã vạch ấy, đem ném ra bốn phía những tư tưởng gây nên lòng hoài nghi đối với giá trị của những quan niệm luân lý được đa số trong xã hội công nhận; đem diễn những tính tình cũng có những hiệu quả tương tự như trên, thì phỏng ta có phạm tội gì không? Ta có thể giả vờ câu hỏi đó để dằn nếu chẳng có một quan niệm về nghệ thuật rất có lý làm cho ta phân vân. Quan niệm ấy cho rằng *nghệ thuật theo đuổi lý tưởng Đẹp* trong khi luân lý gắng tới những cách làm toại lý tưởng Thiện. Ở nghệ thuật đi tới chỗ tuyệt mỹ là đạt tới mục đích, nhà nghệ sĩ không bắt buộc phải bận trí để tự hỏi xem trong khi cố gắng đạt tới lý tưởng đã cọ xát làm thương tổn đến những giá trị luân lý nào. Một nhà thơ ở phái tượng trưng có viết một câu chí lý: «*Nghệ thuật không phải là đạo đức*» Nghệ thuật không phải là đạo đức cũng như khoa học không phải là luân lý. Nhà bác học theo đuổi lý tưởng Chân (idéal du vrai) có thể tìm tòi dò xét tới những miền mà luân lý coi là nguy hiểm cho sự sống lành mạnh của loài người. Người ta không ai oán giận trách móc các nhà khoa học giải phẫu tinh vi một bộ phận trong thân thể người ta hoặc tả những hiện tượng sinh lý cần phải dấu diếm; và các nhà triết học thấu triệt được những nỗi bí hiểm của tâm lý con người, những chân lý có khi không vinh dự gì cho ta. (Ai đã nghĩ đến điều buộc tội Freud khi ông ta nói sự thực về sự sinh hoạt trong tâm khảm?).

Nhà văn, nhà thơ, nhà nhạc sĩ, nhà điêu khắc sao lại không đòi được quyền tự do kết tạo ấy? Ta chẳng nên lập dị vô ích để kết án nhà nghệ sĩ đã tạo nên thân thể của Venus de Milo. Và lại nếu nghệ thuật chỉ là đòi hỏi của luân lý thì nó sẽ khô khan, mất sức cảm động, mất những trang hoàng quý giá. Ở nghệ thuật phải có một chút phóng khoáng. Nghệ thuật không thể nầy nở được trong khuôn chật hẹp co rúm của một ít mệnh lệnh đạo đức. Những

tác phẩm bậc nhất của văn chương hoàn cầu không phải là đều đã diễn tả một tư tưởng *luân lý để dạy đời*. (Cho nên khi ta thấy một nhà xuất bản ngay thơ ở nước ta đăng báo rằng mỗi tác phẩm của những văn sĩ bán văn cho ông đều là « một bài luân lý giải », thì ta chỉ có thể mỉm cười về sự chất phác của ông ta mà thôi !)

Mặc dầu lý thuyết bênh vực tự do của nghệ thuật được thịnh hành, người ta cũng đã kết án một số nghệ sĩ (theo nghĩa rộng của nó). Theo như tục truyền bản đàn Sombre Dimanche (Ngày chủ nhật tối tăm) đã khiến 20 chàng thanh niên ở một quán rượu kia đi tự tử. Một bài thơ của nhà thi sĩ Nga Lermontof, cuốn Werther của Goethe đã đem tư tưởng

muôn chết đèn cho bao nhiêu người ! Tác giả những tác phẩm ấy có thể tự bào chữa để chut gánh trách nhiệm được không ? Đó là một vấn đề ta sẽ thử giải quyết sau đây.

Những tác phẩm trên thuộc về loại văn tình cảm, reo rắc thất vọng và buồn rầu vào lòng kẻ đọc.

(kỳ sau sẽ tiếp)

ĐINH-GIA-TRINH

**Kỳ sau sẽ đăng : « NHỮNG TƯ-
TƯỞNG BUỔI CHIỀU » của Đ. G.
Trịnh.**

Sự kinh-doanh của khách trú...

(Tiếp theo trang 9)

dàng, để mở mang công việc thương mại của họ. Hai là họ có thể mua chịu được các đồ trong hăng theo hạn thường từ 30 cho tới 90 ngày. Vì thế mà :

1- nếu họ bán tiền mặt, họ có thể bán rẻ hơn trong hăng để hùn vào những công cuộc buôn bán có lời khác cho tới kỳ hạn trả tiền cho hăng.

2- nếu họ bán chịu, thường họ đòi đồ hàng lấy sản vật bằng một giá rất hời ; đến kỳ hạn trả tiền, người mua chịu đem tới cho họ các sản vật. Tức cũng như là mua non các sản vật. Như trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng, với 1p. hàng, họ đã đòi được 3 gia lúa, mỗi gia 0p.70. Thành ra họ vừa chầy được hàng, mà lại vừa mua rẻ được sản vật. Thực chẳng khác gì họ cho vay nặng lãi mà bằng cái vốn của hăng. Cố nhiên là chỉ bọn dân quê, vì không biết lo xa, đành phải chịu cực. Gần đây chính phủ đã định giá tối thiểu bắp và lúa (nghị định ngày 11-4-1940 và 29-4-1941) nên cái tệ mua rẻ đã đỡ.

Lại phải thêm những cơ quan vận tải hàng hóa. Xứ Nam-kỳ là một xứ có rất nhiều sông lạch tiện lợi cho sự vận tải bằng ghe thuyền. Thi sự ~~thuyền~~ chờ đò gần như ở trong tay khách trú cả.

Cái bộ máy đó đặt dưới quyền chỉ huy của các công hội khách trú mà phòng thương mại Trung-hoa và những viện bang-trưởng đứng lên

liên lạc ; nó sẽ tùy cơ mà quay ngang quay dọc, không kể gì đến những người đủ để cho họ ăn nhờ ở mượn, mà chỉ tính cái lợi của những kẻ đứng chỉ-huy, Ai mà chẳng biết những mảnh khoé đầu cơ của họ nhất là từ hồi chiến tranh đến giờ, nào là trữ sản vật, nào là mua non, nào là phao tin nhảm, nào là buôn lậu... Ấy cũng là nhờ sự tổ chức khôn khéo như trên đã nói.

Nếu sự đầu cơ đó đã làm cho nhiều hăng buôn Pháp và ngoại-quốc lắm khi bị điều đứng, thì nó cũng đã khiến cho đồng bào ta lắm lúc phải cười dở khóc dở. Chỉ vì họ cứ nhè những món rất cần thiết mà đầu cơ, mà những món rất cần thiết đó, khốn nạn, có cái chính mình sản xuất ra, lúc tôi đang viết đây, họ thấy giá diêm dục dịch lên, bèn trữ hết lại rồi tiệm nào tiệm nấy đều kêu không có, hoặc năn nỉ hết nước mới mua được một hay hai bao, mà còn phải trả họ bằng xu, không có xu thì phải mua thêm đồ khác.

T. K.

**...Thu - nhật tài-liệu để giúp
vào sự giải-quyết những vấn-
đề quan-hệ đến cuộc sinh-hoạt
của dân-tộc Việt-Nam...**

XÃ-HỘI VIỆT-NAM

TÙ' THẾ-KỶ THU' MU'OI BAY

của THIÊN-CHÂN

4

II. — CRISTOFORO BORRI

Tuy vậy họ không đi giày, kiểu Âu châu và kiểu bản xứ ; vì thứ trên thì không thể có được, ở đây không ai biết làm ; còn kiểu dưới thì họ không dùng được vì rất bất tiện cho những người không dùng quen. làm chân đau đớn tại các khuỷu làm dấp hẹp lại nhưng lại làm choãi những ngón chân ra ngón nọ cách ngón kia xa quá. Nên họ thích đi chân không lúc đầu bị đau bụng luôn luôn vừa tại đất ẩm thấp, vừa tại chưa quen. Thật ra thì ít lâu tự nhiên cũng quen đi và chân cứng làm cho người ta không thấy khó chịu gì cả, dù có phải đi trên những đường đầy đá hay dẫm lên gai góc nữa. Riêng tôi, tôi quen đi nên khi trở về Macao, tôi phải khó nhọc mới đi được giày lúc bây giờ sao mà nặng và bần chân tôi thế.

(Relation de la nouvelle Mission des Pères de la Compagnie de Jésus au Royaume de la Cochinchine chapitre V, trang 44 — 56)

c) Thực phẩm của người Trung-kỳ

Đồ ăn thường của người Trung-kỳ là cơm ; mà kê ra cũng là một sự lạ là xứ này sản mọi thứ thịt, cá, gia cầm, hoa quả như thế, mà thức ăn chính của dân lại là gạo, ăn ngay từ đầu bữa, rồi sau mới gắp và nếm tới các thịt thà khác, như để đúng lệ. Bánh mì đối với ta quan-hệ nào, thì gạo đối với họ cũng vậy ; họ không, không thêm nước chấm hay chế biến khác đi, sợ rằng cho thêm bơ, muối, dầu hay đường vào thì ăn mãi sẽ ngấy. Họ đem gạo đổ vào nước sôi chín lên, nước đồ vừa đủ để gạo khỏi dính vào nồi và cơm khỏi cháy. Họ gạo còn nguyên, chỉ mềm thêm và ướt chút ít thôi. Họ lại còn nghiệm rằng không có gia vị, gạo ăn dễ tiêu ; vì thế tất cả những dân tộc nào ở phương

Đông ăn gạo, một ngày ít ra cũng ăn đến bốn bữa mới đủ.

Người Trung-kỳ, lúc ăn ngồi sếp xuống đất, chân sếp bằng, trước mặt có một chiếc bàn tròn [mâm] cao vừa tầm với bụng, chạm trổ rất đẹp, vành thép bạc hay mạ vàng tùy theo tư cách và tài lực từng người. Bàn không to, mỗi người theo lệ có riêng một cái, nên trong một đám tiệc có bao nhiêu khách thì có bấy nhiêu bàn, mà ngày thường ở tư thất cũng vậy, trừ khi vợ chồng, cha con ngồi chung một bàn. Ăn không cần giao, đĩa ; không cần dao vì thịt đã chặt sẵn ở dưới bếp không cần đĩa vì đã có những chiếc que, [dũa] nhỏ nhẵn bóng, họ cầm giữa mấy ngón tay và dùng rất khéo và rất tài, không có gì là không gắp được. Họ cũng chẳng cần đến cả khăn ăn vì đã có dũa để gắp đồ ăn, tay họ không bị nhờn nhớt.

Họ mở tiệc luôn đề mời bạn lân bang hàng xóm, thịt, cá đủ mọi thứ ; duy chỉ thiếu cơm vì họ cho rằng cơm thì ở nhà ai chẳng có. Mà chủ nhà, dù nghèo đến đâu nếu không hiền đủ mỗi người khách một trăm món ăn, cũng chưa được coi là người phong nhã. Vì họ mời tất cả thân nhân bạn hữu, lân bang, nên một bữa tiệc cũng phải có ba, bốn, năm chục người dự, đôi khi một, hai trăm người và có một lần tôi đã đến ăn một đám có hai nghìn tân khách. Bởi thế những đám tiệc to phải tổ chức ở các làng mới đủ chỗ chứa nhiều bàn như thế. Tất cả cũng lấy làm lạ rằng mỗi bàn chứa thế nào được trăm món ăn ? Thực ra thì họ tiện mĩa đem bỏ lại thành mấy từng xếp lên trên bàn, rồi lần lượt bày những món ăn có đủ sơn hào hải vị : thịt, cá, muông chim hay thú vật nuôi tại nhà hay săn bắt được, các trái cây mùa nào thức ấy. Nếu thiếu một món gì thì chủ nhà coi như là một điều đáng trách lớn và bữa cơm hôm ấy chưa được nhận là bữa tiệc. Các chủ ông ăn trước được bọn thuộc hạ thân tín hầu bàn ; khi các chủ ông đứng dậy, bọn thuộc hạ này

ngồi vào bàn, có bọn nô bộc khác kém về đứng hầu; bọn thuộc hạ thân tín ăn xong, thì bọn nô-bộc kém về này vào ăn. Vì ăn không xuê và đĩa nào cũng phải vết sạch, nên sau chót có bọn nô-bộc hàng cuối cùng vào ăn la-liệt, còn thừa thì bỏ bị riêng đem về cho...? (ragasches) và bọn rửa bát...

Xứ Trung-kỳ không có nho và bởi vậy, không có rượu nho. Họ uống một thứ rượu cất bằng gạo có màu; có vị cay, hơi hăng, bốc chổng như hỏa-lửu... Những người sang thì đem pha rượu này với một thứ rượu khác cất bằng lương-mộc (? calamba), rất thơm.

...Ngày thường thì họ đem đun vào nước cho sôi rồi một thứ cỏ gọi là Chia [Trà]; nước ấy gọi là nước Trà, uống rất bổ vì nó làm cho tan những hơi độc trong dạ-dầy và giúp cho sự tiêu-hóa. Người Trung-hoa và Nhật-bản cũng uống trà; nhưng người Trung-hoa thì không dùng rễ mà dùng lá, còn người Nhật-bản thì đem tán nhỏ ra bột; nhưng công-hiệu ở đâu cũng vậy...

...Ấy về việc ăn uống cũng như sự đi chân không, thói quen làm cho ta sống theo được lối sống của dân bản xứ và khi phải ăn lại những món ăn ngày xưa thấy vị nó lạ. Từ khi trở về Âu châu, tôi càng nghiệm thấy điều ấy và tôi không ao ước gì bằng lúa gạo Trung-kỳ tôi ăn đã quen rồi và thích hơn tất cả phẩm vật của nước nhà người ta đem hiến tôi.

d) Khoa chữa bệnh của người Trung-kỳ

Về các ông lương-y và phép chữa bệnh tôi phải nói rằng ở Trung-kỳ có rất nhiều lương-y người Bồ-đào-nha và bản xứ; và thường có những bệnh rất lạ và không có thuốc chữa đối với y-sĩ Âu châu thì ở đây các ông lang đã biết rõ căn chứng rồi và chữa được rất dễ-dàng. Đã nhiều lần các y-sĩ Bồ-đào-nha đã bỏ mặc người bệnh rồi tưởng thế là đi đứt, thì khi vờ đến ông lang An-nam bệnh khỏi rất dễ-dàng.

Phương-pháp của các y-sĩ An-nam là khi bước vào buồng con bệnh, họ đứng lại một lúc để cho hết sự súc-dộng trong khi đi đường. Đoạn họ bắt mạch rất chú ý và cẩn thận; xong rồi họ nói rõ căn bệnh cho người ốm biết; nếu bệnh không còn chữa được, cứu được nữa thì họ nói thật: tôi không có thuốc để chữa, tỏ cho con bệnh rõ là không thể nào

qua khỏi được; nếu họ đoán rằng nhờ thuốc họ mà người ốm lành mạnh được, họ sẽ bảo cho ta biết là họ có thuốc chữa ta và bao nhiêu lâu thì ta đi đứng được. Xong rồi thì họ tính tiền công, tùy theo bệnh nặng hay nhẹ. Cũng có khi, họ làm giấy cam-kết với gia chủ. Đoạn họ kê đơn và bốc thuốc lấy, không nhờ đến bọn chế thuốc, một là để giữ kín, hết sức kín các đơn thuốc của họ, hai là họ không dám fin và nhờ người khác bốc thay họ. Nếu đúng hạn khỏi, bệnh-nhân phải giả công cho Thầy; nếu không khỏi thì Thầy uống công và mất tiền thuốc.

Không như thuốc ta làm cho người uống ghê tởm, « bụng mềm và dẫn ra », thuốc nam dễ uống như nước cháo và rất bổ, uống vào không cần phải ăn cơm (?). Nê.. một ngày người ốm uống mấy lần như ta uống nước suýt. Đã không trái với lẽ tự nhiên, thuốc lại còn bồi bổ những bộ phận trong người, làm tiêu các khí độc, mà không hành người ốm. Vào chỗ này có một truyện đáng kể: Một người Bồ-đào-nha ốm, nhờ các lương-y Âu châu chữa mãi không khỏi; người ta đành bỏ mặc anh ta chết đấy không đến thăm nom nữa; sau vờ một ông lang bản xứ đến; ông này cam-đoan chữa khỏi ảnh trong một kỳ-hạn nhất định, nhưng căn dặn ảnh là trong lúc chờ chữa, ảnh phải kiêng khem, sự đi lại với đàn bà cấm ngặt; nếu ảnh trái lời thì không có thuốc nào chữa nữa; phải cứ đàn bà mới sống được. Hai bên đồng ý làm giao kèo và ông lang nói chắc ba mươi ngày thì khỏi. Bệnh nhân uống thuốc, vài ngày thấy khỏe-khoắn và không còn sợ cái việc mà ông lang đã cấm ngặt ảnh. « Chuyện đến đấy » thì ông lang lại thăm ảnh, thấy mạch khác, bảo ảnh sửa soạn việc ma chay đi vì ông không còn hy-vọng gì nữa và hết phương kế để cứu sống ảnh rồi; bảo ảnh đừng quên giả tiền công đã hẹn trong giao-kèo vì ảnh chết không phải lỗi tự ông ta. Việc đem đến của quan, án ra bắt người bệnh, ông lang; và án tuyên rồi, thì anh... là hấp hối.

Người Trung-kỳ còn biết chích huyết nữa; nhưng họ hà tiện máu người ốm hơn ta và họ không dùng những giao chích thông thường đâu: họ có những lồng ngỗng trong có lỗ « kim » bằng sứ rất sắc có cái to cái nhỏ, hình răng cưa. Khi phải mở một ống hời huyết quản nào, họ đặt lên trên ống ấy một chiếc lồng ngỗng lớn vừa bằng bề ngang huyết-quản, chiếc « kim » vào nông hay sâu đúng

với ý muốn. Phải phục họ là sau khi lấy đủ máu rồi, họ chẳng cần đến băng bó, vải thấm và giấy buộc gì cả, chỉ đem nước bọt nhấm đầu ngón tay cái rồi đem ấn lên chỗ lỗ thủng, họ làm cho thịt giở lại nguyên chỗ, máu ngừng chảy và vết thương chóng lành. Tôi cho vì họ dùng chiếc « kim » sứ có răng nên mạch máu chóng hàn miệng và đập được ngay.

Người Trung-kỳ không thiếu những tay giải phẫu. Tôi chỉ muốn đem cách họ đã chữa tôi và một người bạn ra làm thí dụ.

Từ một chỗ rất cao, tôi bị ngã xuống, dạ-dầy đập vào một khối đá; tôi thổ huyết và ngực bị thương tổn. Uống thuốc tây chẳng đỡ chút nào. Lúc đó có một ông lang chuyên nghề giải phẫu đến cho tôi một ít cỏ, giống như cỏ mercuriale của ta (hỏa diễm thái), một phần ông ta đem giã và đắp lên dạ dày tôi; một phần đem sắc lấy nước cho tôi uống; và một phần bảo tôi ăn sống. Vài ngày sau, tôi hoàn-toàn khỏi. Muốn tự thí-nghiệm lấy, tôi bắt một con gà con đem bẻ chân nó gãy thành nhiều đoạn rồi đem cổ ấy đắp lên những chỗ

gãy vài bữa thì con gà nguyên lành.

Một thầy giòng bạn tôi bị bọ cạp đốt—nọc bọ cạp có thể làm chết người ở xứ này—cổ họng sưng bạnh ra và chúng tôi đã nghĩ đến phép sức dầu thánh cho thầy ta thì bỗng có một ông lang ngoại khoa đến, thổi một hồ cơm với nước lã thường. Xong rồi ông ta đặt nồi cơm xuống dưới hai chân thầy dòng, lấy chân chum kín thầy ta để hơi cơm và khói nóng không mất đi đâu được. Hơi bốc lên đến chỗ bị thương, thì thầy giòng thấy bớt đau, cổ hết sưng và người khỏe mạnh như không bao giờ bị bệnh cả.

Còn có nhiều việc tương tự như thế, nhưng thuốc dùng ngay tại xứ ấy công-hiệu hơn là đem về đây. Riêng tôi, tôi đem về một thùng nhỏ đại-hoàng (rhubarbe), lúc xuống tàu còn tốt vào bụng nhất nhưng sau hai năm đi đường lúc về đến Âu châu thì đại-hoàng biến thể đến nỗi tôi không nhận ra được nữa. Thế mới biết các dược thảo đem từ bên ấy về đây mất hết cả linh nghiệm.

(Relation de la Cochinchine, trang 56-68).

Dầu ĐẠI-QUANG

dùng trong lúc mùa hè
nóng nực là rất hợp thời

Ngào ngạt, nhức đầu, xỏ mũi, đau
bụng, đi rửa, sốt nóng, sốt rét, đau
tức, cùng là cảm mạo, sương hàn,
nắng gió, chỉ nên dùng dầu ĐẠI-
QUANG ngoài xoa uống là sẽ
thấy công hiệu ngay.

Đại-Quang
được-phòng

23, Hàng Ngang. Hanoi

Giày nói : 805

Y - KHOA BÁC - SĨ

TRỊNH VĂN TUẤT

Cựu chuyên môn Răng và
Miệng tại nhà thương
Trousseau (Paris)



MỒ SẺ TRONG MIỆNG
Thay răng Sửa răng lệch



PHÒNG KHÁM BỆNH :
77, Hàng Bài — Hanoi

Giây nói : 12.20

VẤN-ĐỀ THANH-NIÊN VỚI QUYỀN

« MỘT NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM MỚI »

của DIỆU-ANH

ÔNG Thái Phi đã viết một quyển sách 140 trang đề kết án thanh-niên Việt-Nam hiện tại và đề trình bày một ít phương pháp cứu chữa những bệnh trạng nguy hiểm của thể hệ trẻ ấy. Quyển sách viết với một giọng gay gắt và sau khi đọc nó, mặc dầu tác-giả có kể những phương pháp cứu nguy, tôi cũng thấy giữ lại ở trí óc một cảm giác nặng nề và chán nản vô cùng. Thật vậy ư? Phải chăng thanh niên Việt-Nam thực đã « hoàn toàn trụy lạc », theo như sự nhận xét của ông Thái Phi?

Lấy con mắt vô tư mà xét đoán tình trạng thanh-niên Việt-Nam thì tôi thấy những phê phán của ông T. P. tuy có đúng sự thực ở nhiều điểm, nhưng nhiều chỗ khác có tính cách nghiêm khắc quá đáng. Mà sự quá đáng nào chả đưa tới chỗ nhầm lẫn và thiên lệch?

Giá trị sự kinh-nghiệm của tác-giả

Ông Thái Phi dựa vào sự kinh nghiệm nào để hiểu thấu thanh-niên Việt-Nam? Chúng ta phải công nhận rằng ông chỉ biết rõ một phần thanh-niên hợp bởi các cậu nhỏ học-trò các trường tư-thục. Ông là giáo-sư Việt ngữ ở một trường tư lớn. Hàng ngày ông đụng chạm với cái nhóm thanh niên đệ tử của ông, ông xét thấu tư tưởng, hành vi của họ, rồi ông căn cứ vào đó mà làm bản cáo trạng thanh niên Việt-Nam. Ông Thái Phi đã bỏ ra sự quan sát của ông một phần tử thanh niên làm việc cần cù ở các trường công tiểu học và trung học, ông chẳng đếm xỉa tới hạng thanh-niên ở các trường Đại-học. Qua các trang sách của ông tôi thấy hình ảnh của một xã-hội gồm có những trẻ con vô giáo-dục, nhờ sự lỏng lẻo của các lệ luật về trật tự ở một vài trường tư không được tin nhiệm của phụ huynh mà tăng cái độ vô giáo-dục của chúng lên. Tác giả thấy trong những giờ giảng Việt văn hoặc Hán văn có nhiều trò nghịch ngợm hỗn láo, rồi tác giả vội kết luận rằng thanh niên bây giờ chỉ ưa các giáo sư « tán truyện » mà đến lúc phải chép bài, nghe giảng thì họ chán nản vô cùng! Sự thực, dù sự thực ở trường tư nữa, cũng có đến đến thế. Tôi có thể dẫn chứng một giáo sư ở một trường tư lớn kể rằng ở những giờ giảng văn chương của ông ta học trò nghe rất chăm chú và ông đã vui lòng nhận thấy ở trên mặt một số trong đám thanh niên ấy những ánh sáng của sự vui thích mà thông hiểu.

Sự kinh nghiệm của tác giả cuốn M.N.G.D.V.N.M.

vì lẽ do, theo ý tôi, có chút eo hẹp. Gia dĩ tác giả thường gặp sự hỗn xược của những trẻ thiếu giáo-dục nên trong lòng sẵn tức giận, ông đã trông toàn thể thanh niên Việt-nam qua cái màn kết bởi tình phần khích riêng tấy của ông. Sự thiên lệch trong xét đoán lẽ tất nhiên không sao tránh khỏi.

Đề hường ứng với tác-giả

Tuy xét đoán toàn thể thanh niên quá nghiêm khắc, ông T. P. cũng đã trông đúng một vài tâm trạng của một số học sinh hiện đại. Thực co hạng học sinh đốn bại, ở trường công một ít, ở trường tư nhiều hơn, dốt nát đến cực điểm, hỗn láo, nhờn với những thầy dễ tính, khinh cha mẹ, chuyên chú trang điểm bộ mã để theo đuổi một vài cái áo thướt tha. « Nhiều lúc lòng tôi se lại khi chưa bước chân ra khỏi lớp tôi đã nghe thấy từ một miệng vô danh nào thốt ra một nhời nói để đùa với thầy giáo, hoặc để pha trò một lời hạ đẳng », đó là lời một vị giáo sư trẻ tuổi đã nói với tôi. Thực có một hạng học sinh không lý tưởng, trơ tráo làm nản lòng. Cũng vị giáo sư ay lại tỏ nỗi niềm như sau đây : Tôi vào lớp với tất cả lòng háng hái của thanh niên. Tôi ngây thơ tưởng có thể đem hùng biện gây nên ở tim họ lòng yêu học thuật. Tôi thấy ném trả lại tôi ở đây một cặp mắt, ở kia một cặp mắt, những cái nhìn tẻ ngắt làm cho lòng tôi cũng thấy như nguội lạnh đi ».

Thực có sự thiếu thốn lệ luật của gia-đình giáo-dục. Các cha mẹ nước ta chỉ ưa để nhiều để ném ra vỉa hè đường phố những nhân vật quái gở, lười biếng, dốt nát, mới năm ba tuổi đã hút sách và tìm đề sống một cuộc đời lãng mạn rơm rác. Làn sóng tư-tưởng vật chất thực đã làm chết lý tưởng trên đất nước này, nếu không còn một số thanh niên biết tự xây dựng lấy lâu đài của họ, định nghĩa đời sống của họ theo những nguyên tắc mà họ đã tìm được bởi sự suy nghĩ sách vở.

Ông T. P. có lẽ quên không nói rằng, ngoài đám thanh niên thiếu giáo dục và lười biếng khiến cho ta căm tức ấy, đám thanh niên học hành chăm chỉ cũng chẳng phải làm cho ta được hoàn toàn vừa lòng. Họ học, nhưng họ chỉ thụ nhận. Họ kéo lê những nhầm lẫn nực cười từ năm này tới năm khác mà vẫn không hề dùng một trí xét đoán của con để sửa chữa lại. Họ sống phồn phớt ở ngoài tám khảm. Họ không biết ham yêu. Trong một lớp 40, 50 học

(Xem tiếp trang 21)

(Tiếp theo)

III.—GIÁO DỤC THANH NIÊN Ở NGÀ

CÙNG như ở Ý và ở Đức, giáo-dục là lợi-khí của chủ-nghĩa quốc-gia hoặc chủng-loại, ở Ngà, giáo-dục là lợi-khí của chủ-nghĩa cộng-sản.

Chủ-nghĩa cộng-sản dựng trên thuyết biện-chứng duy-vật (matérialisme dialectique) — Giáo-dục ở Ngà huấn-luyện thanh-niên trong giai-cấp tranh-đấu

Giáo-dục của chủ-nghĩa duy vật đó chống với mọi tư tưởng tôn-giáo và triết-lý, và chống với sự phân-tách vật-chất và tinh-thần.

Cách tổ-chức giáo-dục

Ở Ngà, chỉ có một nền học, nền học cần-lao (école unique du travail). Các trường tiểu-học, cao-đẳng tiểu-học, trung-đẳng, cao-đẳng, các trường thực-hành, chuyên-môn, thương-mại, xưa kia sống cách biệt nhau, nay đều hòa-hợp thành một thống-hệ duy-nhất chia làm ba đẳng cấp.

1.) Nền học đệ nhất cấp từ 8 đến 11 tuổi, trong 4 năm — một lớp đồng-đầu sát nhập vào nền học này cho con nít từ 6 đến 8 tuổi.

2.) nền học đệ nhị cấp từ 13 đến 17 tuổi trong 5 năm, chia làm hai bậc, bậc dưới trong 3 năm, bậc trên trong 2 năm.

3.) nền học cao-đẳng chia ra từng ban chuyên-môn.

Nền học chuyên-nghiệp được tổ-chức một cách rất chu-đáo và đi kèm sát với các bậc học ở trên. Ở các trường đệ nhất cấp ra, những học trò nghèo không theo được bậc sau sẽ vào các trường sơ-đẳng chuyên-nghiệp để học một nghề.

Học-trò đã theo bậc dưới của nền học đệ nhị cấp có thể thôi học mà sang tập nghề ở các trường trung-đẳng chuyên-nghiệp.

Ở bậc trên cùng, các trường chuyên-môn (technicums) để đào tạo những nhà chuyên-môn trung-đẳng, cho các học trò đã thôi học ở bậc học đệ nhị cấp hay ở bậc sơ-đẳng chuyên-nghiệp.

Cách tổ-chức giáo-dục chú-trọng đến sự học của phái lao-động

Ở các trường đệ nhất cấp và các trường sơ-đẳng chuyên nghiệp, học không mất tiền. Ở các

Giáo-dục thanh-niên VÀ NỀN SƠ-HỌC Ở NƯỚC NGOÀI

của VŨ ĐÌNH-HÒE

trường trung, đẳng, chỉ những gia-đình sống và tiền lãi do công việc của người khác hay mất quyền bầu cử mới phải trả tiền học cho con và các trường cao-đẳng, phải trả tiền những học-trò nào không được ăn lương.

Người ta lập ngay ở các nhà máy, các xưởng công-nghệ, những lớp chuyên-nghiệp để đào-tạo những thợ chuyên-môn. Phái lao động vì sự mưu sống ít khi được đi tới bậc học cao-đẳng, nên người ta lập những trường cao-đẳng riêng cho thợ-thuyền (Facultés ouvrières) học không mất tiền để nhận những thợ-thuyền hay nông-phu có chí và được các hội-đồng nhà máy hay các chi-bộ cộng-sản tiến cử.

Phái trí-thức có hên-phận chống nạn thất học và truyền-bá sự học trong dân-gian — Họ phải dạy các người thất học. Các nhà bác-học ở trường cao-đẳng ra ngoài việc làm những nhà chuyên-môn và việc tìm-tòi về khoa-học, còn phải phổ-cập sự học trong dân-gian bằng những buổi diễn-thuyết và những sách giáo-khoa.

Người ta lập những lớp cao-đẳng dạy tối (les Universités du soir) để các giáo-sư và sinh-viên đem tài học mà giúp những dân lao-động.

Ngoài nền giáo-dục chung cho cả mọi người, đảng cộng-sản còn lập một nền học riêng của đảng; có những trường cao-đẳng đào-tạo những giáo-sư để thay những nhân-viên của chế-độ cũ và cầm quyền-chính trong các trường cao-đẳng trong nước. Có những trường chuyên-môn, các trường trung-đẳng và sơ-đẳng của đảng để đào tạo những viên giám-đốc các trường đệ nhất và đệ nhị cấp cùng các giáo-viên trong quân-đội, trong các đoàn, các câu lạc-bộ của đảng.

Ngoài học đường

Ở Ngà cũng có những thanh-niên đoàn chia làm hai bậc:

1.) những ấu-đoàn cho trẻ con từ 10 đến 14 tuổi, việc huấn-luyện cũng tương-tự như ở những ấu-đoàn bên Đức.

2.) những đoàn võ-bị cho thiếu-niên từ 14 đến 18 tuổi. Trong đó thiếu-niên tập bắn, lái tàu thủy và phi-cơ, cưỡi ngựa truyền tin, mỗi người lại chuyên về một môn để dự-bị việc tòng ngũ.

Phương-pháp giáo-khoa

1.) Giáo-dục ở Ngà là giáo-dục cần-lao. Vậy phương pháp giáo-khoa phải lấy cần-lao làm chủ-đích.

Cho nên theo chương-trình của ủy-ban giáo-dục năm 1922, vấn-đề cần-lao là vấn-đề duy-nhất trong các bậc học. Ngoài vấn-đề ấy, trường học không dạy một khoa gì khác. Lối dạy ấy chỉ có kết-quả là đào-luyện những thợ và những kỹ-sư chuyên-môn. Vì vậy đa số giáo-viên và phụ huynh phản đối cùng với các ông giám-đốc nhà máy và các hội-đồng chấm thi: họ thấy trình-độ học thức rất sút kém; nhiều học-trò ở ban trung-đẳng ra mà không biết tính và viết không thành câu! Họ thấy cái lối học chuyên-nghiệp ấy chỉ là một lối tập nghề, không thể đào-luyện những tay kỹ-tuật biết dùng hết những lợi-khí của khoa-học và những nhà kiến-thiết am hiểu hiện-trạng xã-hội.

Nhưng một số thuộc phái tả không đồng ý và giả nhời rằng: « Cái kết-quả không tốt đẹp kia là do sự tổ-chức không được chu-đáo chứ thực ra chỉ có lối dạy ấy mới hợp với ý-tưởng lao-động. »

Sau bao cuộc bàn cãi, một quan-niệm mới về khoa giáo-dục cần-lao dung-hòa hai ý-tưởng tương phản đó: phải nối liền sự học với việc sản-xuất về nông tang và kỹ-nghệ mà không hi-sinh những phương-pháp hay của thời xưa. Đó là ý-tưởng bảo-thủ cách-mệnh (conservatisme révolutionnaire) mà Lénine đã áp dụng vào phạm-vi kinh-tế. Kỹ-nghệ cộng-sản chỉ có thể bành-trướng bằng cách dùng những kỹ-thuật của kỹ-nghệ tư bản. Khoa giáo-dục cộng sản cũng phải dùng những phương-pháp đã gây sức mạnh cho khoa

giáo-dục tư bản. Bởi vậy ban hành-chính trung ương đảng cộng-sản ngày 5 novembre 1931 đã định rõ những phương-châm của khoa giáo-dục để hòa-hợp khoa-học với kỹ-thuật và biến thể kỹ-thuật theo mẫu hình trang của cần-lao (polytechniser l'école)

Từ nay người ta phải gây cho thiếu-niên một tài-sản học thức không rời-rac, mà điều-hòa, liên kết thành một thống-hệ.

Phương-pháp « biến-thể kỹ-thuật » vượt hẳn lối dạy chuyên-nghiệp như nhà kỹ-sư đối với thợ thường.

Phương-pháp đó đặt mỗi kỹ-nghệ vào toàn-thể tổ-chức kinh-tế, dạy cách tiến-hành của mọi việc sản-xuất sự liên-lạc của các ngành kỹ-nghệ, kỹ-thuật chung làm căn-bản cho các kỹ-thuật riêng.

Đó vừa là một khoa-học tổng quát cả đời kỹ-nghệ vừa là một khoa kỹ-thuật chung cho mọi nghề—Sự học chuyên-môn về một nghề nào chỉ dạy sau khi học-trò đã học hết chương-trình ở trên.

2.) Trong nền giáo-dục của cần-lao và kỹ-thuật tư tưởng Karl Marx làm cột trụ cho sự học. Môn học nào cũng dựa vào đó, cả những môn học mà thoát nghe hình như không có dính-dáng gì đến một chủ-nghĩa nào. Khoa văn-phạm chẳng hạn — Mục-dịch của khoa này là giảng cho học trò những hình-thể của tiếng nói mà phải tư bản cho là bất dịch, đã biến đổi như thế nào để đi tới một thứ tiếng dẫn-dị, hợp lý, tiếng nói của phái lao động.

Chương-trình khoa đó đại khái như sau: « Nguồn-gốc về sự bành-trướng của tiếng nói theo ý Engels và Marx. Tiếng nói của các giai-cấp. Tiếng nói văn-hoa của phái cầm quyền và các thứ tiếng tầm thường của quần chúng — Sự đặt một thứ tiếng văn-hoa cho phái lao-động giai-cấp tranh-đấu trong tiếng nói—Sự dùng tiếng nói trong việc kiến thiết xã-hội ở nước Ngà. Về khoa văn-chương, người ta chia lịch-sử văn-chương làm ba thời-kỳ: văn chương phong-kiến, văn chương tư bản và văn chương lao-động.

Về các môn khoa-học cũng vậy. Môn nào cũng nối liền với chủ-nghĩa Kar'

Các giáo-viên đều học một chương trình rất chặt-chẽ về chủ-nghĩa Lénine. không những họ phải có tư-tưởng cộng-sản, mà họ còn phải biểu-dương tư-tưởng đó bằng sự tham-gia vào các công-việc của đảng. Mỗi năm một hội-đồng gồm có những nhân viên trong đảng, trong học-giới, trong xưởng máy, xét hạnh kiêm của các giáo-viên về phương-diện chính trị.

(Xem tiếp trang 20)

CÁI ĐỒNG-HỒ

Truyện ngắn của BUI HIỀN

ANH ta là một viên thợ họa sở Đặc điền. Ngày ngày, cúi đầu trên vuông giấy dày mà một ngọn đèn chiếu sáng từ phía dưới xuyên qua một tấm kính, anh đồ những nét cong khúc khuỷu, những giải sông xanh, những con đường đỏ và tím, những tràng chữ thập phân địa giới. Anh họa, anh họa, cử động một cách gần như máy móc, im lặng, lưng gù, trí nghĩ vơ vẩn. Mỗi cuối tháng, lĩnh được đâu vài chục bạc lương anh bỏ tiền vào một cái phong bì đem về nộp vợ nguyên vẹn. Thế rồi xong bữa cơm trưa, chị vợ ấn mạnh bút chì loay hoay dự tính trên một trang sổ nhỏ sự chi tiêu trong ba mươi ngày sắp đến. Chị tính cặn kẽ từ tiền cơm nước đến tiền xà phòng, bớt một bào ở khoản này để đập vào khoản kia. Rồi chị nói lên, bằng một giọng hơi chồm ý phản nản :

— Đấy, còn thừa không đầy năm hào tiêu vặt.

Chồng đáp một câu không thay đổi:

— Thì tôi lương chỉ có thế.

Nhưng mà một lần, một nhà điền chủ, bạn ông xếp tây, cần mấy bản họa đồ đồn điền của mình, anh nhận làm công việc phụ kia, càng cảm cú hơn trên bàn họa, và được hưởng món tiền thưởng bốn đồng. Trong bữa cơm chiều hôm ấy, cả bàn nhao lên, phân vân về cách dùng số tiền không mong đợi. Chị vợ thèm ước từ lâu một cái áo dài nâu non. Nhưng thực là lạ kỳ; khi không có tiền, chị ao ước cái áo một cách thiết tha; vậy mà nay cái áo đã vừa tầm túi mình, thì sự tha-thiết của chị rơi đi, và tất cả lòng chị bối rối. Không còn biết mua gì nhỉ? Sắm gì nhỉ? ! Hai đứa con làm nũng cơm; chúng nghe bàn bạc những mua cùng sắm, thì cũng vội mua cho cái ô-tô chạy được và con búp-bê nó kêu chút chít ấy. Nhưng mà anh ta đã có ý định sẵn; sau cùng anh mới nói:

— Đề ta sắm cái đồng hồ.

Rồi anh giảng rằng vừa... một dịp tốt để mua đồng hồ bằng giá cực rẻ. Hôm nọ, ông xếp nhận được một tờ quảng cáo của một hiệu đồng hồ ngoài Hà-nội; hiệu kia, sau mấy lời mào dãn báo cáo rằng muốn bán tổng cửa hàng để nghỉ buôn, trình bày tất cả những mẫu đồng hồ còn lại, với một giá « khó tin »; anh ta có đọc trộm tờ quảng cáo, và đề ý nhất đến một chiếc đồng hồ bàn giấy, mặt vuông, xinh nhỏ như một đồ chơi; cạnh hình vẽ, con số đủ mỗi 3p. viết bằng chữ lớn thay cho số 6p. phía dưới bị xóa bằng hai nét gạch chữ thập.

Anh đã nhiều lần điều chỉnh vì thiếu đồng hồ. Khi phông chừng giờ bàn giấy sắp đánh, hai vợ chồng đều vênh tai nghe ngóng cái đồng hồ quá lác ở nhà ông Tham bên cạnh. Nhiều hôm, quên đề ý đến thì giờ, anh đến sở chậm và phải lén lút do cửa sổ treo vào để khỏi bị cự. Thằng con đầu được việc lắm: mỗi khi cha nó lờm cờm dậy sau giấc ngủ quá trưa, thì nó rút cả đầu, lạch bạch diu xe đạp cha ra đợi ở cổng; anh ta vội vàng quàng cái áo lương rồi chạy ra nhảy lên chiếc xe tàng mà phóng, mặc cho cốt bánh dỉ rít lên cốt két đến ghê tai.

Thế rồi ngay hôm sau, anh gửi thư kèm mặng đa ra Hà-nội, Cả nhà sống trông mong đợi bồn chồn, phắc luôn miệng đến cái đồng hồ. Anh chồng dự định đặt nó trên chiếc bàn nhỏ cạnh giường, và vợ đã lo trước hai thằng con lén nghịch phá. Hai đứa bé hỏi, không biết lần thứ mấy mươi: « Ba ơi, bao giờ thì đồng hồ về đây? Hà-nội chắc xa lắm nhỉ? »

Một sáng, có người nhà Bưu điện bước vào sở anh, một cái hộp dưới tay, và hỏi: « Tôi muốn hỏi đây có ai tên là Hoàng đình Quân ». Anh ta đáp: « Chính tôi », và ký nhận hàng. Đó là một cái hộp giấy uốn lượn sóng, màu vàng tẻ, tấm mặt có khuôn khổ cuốn vở học trò. Anh vừa cất giấy vừa nghĩ: « Nó gói cẩn thận thực. Cái đồng hồ nhỏ xíu mà chịu phí một cái hộp kéch xù ». Bạn đồng nghiệp tới xúm quanh; anh đã khoe từ mấy hôm trước rằng anh sắp nhận được một món hàng « đặc biệt Hà-nội ». Anh làm chậm rãi, tay hơi run run, cảm thấy một thú kích thích khi cố kéo dài cái phút nóng biết vật mới mua.

Cái nắp giấy bật lên, mỗi người giúp một tay để thái lớp rơm phủ mặt. Cái đồng hồ hiện ra và anh ta kêu một tiếng ngạc nhiên; nó chiếm cả bề rộng của hộp, không nhỏ nhắn như anh tưởng. Một người nâng lên, và lấy theo ra cả một cục đồng tròn sơn đen mốc ở đầu một sợi giây xích đồng nói không hết cái dài. Có mặt các bạn đồng sự, anh ta cố giấu thất vọng. Mọi người ngăm ngăm đồng hồ. Cái mặt lâm bằng một mảnh sắt tây vuông, chung quanh trang hoàng bằng những ô vuông nhỏ sơn xanh, bốn cạnh bị móp mép trong cuộc viễn hành vừa rồi. Đằng sau là một cái hộp bằng gỗ, nhưng mà gỗ gì! thứ gỗ mềm như ỉ của những thùng rượu, mặt sù sì, cạnh tước cả ra. Cái hộp, hồng mặt dưới, dấu trong lòng một bộ máy không có gì phiền phức, chỉ

gồm ba bốn cái bánh xe răng cưa. Có ai lục lọi trong đồng rơm đáy hộp giấy và lôi ra một quả lắc suýt bị bỏ quên. Quả lắc là một miếng sắt tròn sơn xanh mỏng mảnh và thô sơ như « nắp phèo » của con nít dùng đánh đáo, vành mang hai lỗ dùi để cho xuyên qua một sợi giây thep thẳng dài chừng một gang.

Viên xếp phòng họa đặc giảng rằng đó là thứ đồng hồ treo bếp. Cả bọn cười nhao, nhắc lại lời khoe món hàng « đặc biệt Hà-nội ».

Một người treo chiếc đồng hồ lên tường, hi hoáy tra lỗ tròn của hộp gỗ vào cái đinh đã có sẵn trên ấy. Rồi cả bọn xúm xít, người lắp quả lắc, người móc cục đồng vào sợi giây xúc xích. Quả lắc bắt đầu xang, và tiếng tích tắc đều đều vang dội trong tim anh sung sướng. Anh dùng ngón tay đẩy chiếc kim sơn trắng để lấy giờ, và nói :

— Để xem nó chạy có đúng với đồng hồ không.

Nhưng chạy được chừng một phút, quả lắc như hết hơi không kêu tích tắc nữa rồi xang nhẹ dần dần. Một người nói :

— Chỗ này thoáng quá, gió thổi bay quả lắc, đồng hồ không chạy được.

Một người khác pha trò :

— Thôi hãy để cho nghỉ vào hòm đá, vừa đi tàu về mệt mà.

Anh ta đã bắt đầu nghi ngờ sự miễn cưỡng của chiếc đồng hồ mà cái dáng khờ khạo không làm vững tâm tí nào hết. Anh nói : « Ông chủ mà về bây giờ thì chết cả bọn. Thôi ! », đoạn hạ máy xuống, cất lại vào trong hộp, phủ rơm cẩn thận.

Trưa, khi về đến nhà, để ngừa trước sự thất vọng của vợ, anh ta vừa đặt hộp xuống bàn vừa khen rồi rít :

— Cái đồng hồ đấy, xinh lắm mình ạ ; nó to chứ không nhỏ đâu, nhưng người ta bảo đồng hồ càng to càng chạy khỏe. Cũng không phải đồng hồ bàn giấy ; đây là thứ đồng hồ có quả nặng, chạy đều hơn đồng hồ lò xo nhiều.

Anh lại bịa :

— Có người bạn trên sở bảo năm ngoái có mua một cái y hệt như thế mà giá tám đồng.

Chị vợ ngẫm nghĩ cái đồng hồ, xem chừng không được hài lòng, nhưng không nói gì, nghĩ thầm : « Ừ, xấu mã nhưng tốt máy ». Hai thằng con nằm trườn trên bàn, đưa đưa ngón tay trên mặt đồng hồ và kêu : « Nhấn nhĩ ! mà có nhiều chấm xanh, đẹp quá ! Ba treo lên đi ».

Cố hoãn cái lúc thử máy đáng lo ngại, anh bảo : Thôi ăn cơm đã. Đói bụng rồi ».

Xong bữa cơm, anh khép tất cả các cửa để ngăn gió, đoạn đóng đinh vào một góc tường kim gió nhất. Anh móc đồng hồ lên, xê đi dịch lại mãi cho thực ngay ngắn, đẩy kim lấy theo giờ vừa đánh bên nhà ông Tham ; rồi, tay run run, anh đưa quả lắc. Đoạn cả nhà đứng nghiêm trang thành vòng, nhìn. Mắt chăm chăm theo dõi cái xang đưa về oải của quả lắc mảnh khảnh, anh lo

lắng tự bảo thầm : « Này này... nó sắp dừng... nó sắp dừng... ». Nhưng may, lần này cái đồng hồ chịu làm việc hơn. Nửa giờ sau, anh hơn hồ xoa tay đi ngủ trưa. Hai thằng con vẫn đứng ngược cổ ngăm vật mới ; thằng đầu hện : « Hai giờ kém mười, con sẽ đánh thức ba dậy, nhé ! ». Rồi nó đứng rình giờ.

Chều hôm ấy, thằng be đón anh ở cổng và báo : « Ba ạ, nó đứng từ lúc bốn rưỡi rồi ». Anh lại loay hoay chữa, xê dịch đồng hồ, áp đầu vào tường neho mắt ngăm lên xem có thực thẳng quả dọi không, tụt mặt quả lắc xuống một chút. Vợ đứng im lặng nhìn ; anh noi, như để tự bào chữa : « Nó cũng như người, cho chạy vài ngày mới quen ; đi tàu bị lắc mạnh, máy móc hẳn cũng có sai sẩy ». Chiếc đồng hồ, dường cảm động vì từng ấy chăm chú của chủ, lại bắt đầu chạy.

Đêm năm, anh lắng tai nghe. Có lúc hình như cái máy im lặng hẳn. Nhưng cố sức chăm chú, anh lại nghe tiếng tích tắc đều đều. Rồi hẳn anh nhãng ý một chút, tiếng máy lại chìm đi. Anh bèn lặng lẽ ngồi dậy, rón rén đi ra. Dưới ánh đèn con, anh thấy quả lắc đứng lặng như tờ. Chiếc kim ngắn chỉ một giờ ; đồng hồ ông Tham vừa đánh bốn tiếng ; thì ra tiếng tích tắc này giờ chỉ là do trí tưởng tượng của anh tạo nên. Anh ta lại hi hoáy sửa chữa, nâng mặt quả lắc lên, nắm quả đồng sẽ kéo. Rồi anh ngồi phịch xuống ghế, da toát mồ hôi lạnh, tim bóp chặt trong một niềm bi thống.

Sáng hôm sau, khi đi làm, anh không quên dắt trong mình một cái lọ con ; xin được ít dầu máy, anh đem về tra vào những cốt bánh xe, thoa giẻ móc ở đầu cây tăm lau chùi. Thấy vợ đứng nhìn, anh thẹn thẹn làm sao ấy và cố tỏ vẻ tin chắc ở kết quả việc mình làm ; anh nói : « Máy cũng như mình ; nó cần dầu cũng như mình cần cơm, có thì mới làm việc được ».

Quả thực lần này cái đồng hồ chạy thông. Nhưng anh nhận thấy nó chạy chậm, mỗi buổi mất năm phút ; anh ngoắc vào cục đồng, cho nặng thêm, một cái tròn dính ốc không biết nhặt được ở đâu ; máy vẫn chưa chạy đúng, anh lần lượt thử buộc vào giây xúc xích một con dao nhíp, mấy hòn bi đạn ; cho đến khi anh thử dùng một cục quặng xin của thợ rèn, thì chiếc đồng hồ không chịu nổi trách, và quả lắc đứng dần.

Anh không biết nào nữa. Chị vợ đã chớm lời trách :

— Đã bảo của rẻ là của hôi mà.

Anh đáp :

— Cứ để nó chạy cho quen máy ; để xem, vài hôm nữa nó chạy đúng hơn đồng hồ ga.

Và từ đó, anh bắt đầu gian lận ; sau giờ bữa trưa, anh ở nán lại sở năm phút, rồi thông thả đạp xe về, để kêu lên : « Đấy, tỉnh xem, tôi đi mất mười phút, thế là bây giờ vừa mười hai giờ mười ; đúng ngăn ngắt ! » Rồi trưa đó, thừa lúc không ai để ý, anh đẩy kim tới thêm nam phút

Buổi chiều, anh cũng dùng mưu tương tự. Anh ta cứ lặp đi lặp lại, bộ hả hê : « Gọi là cứ đứng ngan ngát ! đứng ngán ngát ! »

Chị vợ nghi ngờ, hỏi :

— Thế sao vẫn cứ chậm hơn đồng hồ nhà ông Tham ?

— Bì sao được ! Người ta là ông này quan nọ, đến sở chậm nửa giờ cũng chẳng sao, nên cứ mặc đồng hồ chạy phăng tê. Đồng hồ bên ấy chả đúng đâu.

Mỗi đêm, trước khi đi ngủ, anh lại lên lút đầy kim tới thêm mười phút ; được trừ hao như thế, giờ sáng mai sẽ đúng.

Lâu dần, anh quen với công việc gian lận ấy, mà anh làm trọn không một lần sao nhãng, như một bôn phận tôn giáo.

Rồi anh thuộc lòng cả tinh nét của cái đồng hồ.

Nó có một tật xấu : dễ cảm quá. Mỗi khi trời muốn trở, mưa, hơi ẩm luồn từ mặt dưới tổng hồng của hộp gỗ, làm rít bánh xe hơn, và anh nghĩ : « Hừ hừ, mày lại định làm biếng đây. Thế thì tối nay tao phải vận thêm đến mười lăm phút. ». Trái lại, khi trời nắng ráo, quả lắc xang đưa lẹ làng, anh biết chỉ cần ăn gian mỗi buổi vài phút là đủ.

Và chiếc đồng hồ sống sung sướng trong gia đình nhỏ ấy, được ông chủ ân cần như cha, đúng hơn, như mẹ, như một người mẹ càng thương yêu con vì đã cứu nó qua nhiều bệnh hoạn, đã cướp nó khỏi tay thần chết, đã cho nó sự sống hơn một năm ; cái máy không dừng chạy nữa, chỉ ông ẹo một đôi khi trở trời, như đứa con cứng hơi vàng đầu sỏ mũi đã làm nũng mẹ.

BÙI HIỀN

Giáo-dục thanh niên và nền sơ-học ở nước ngoài

(Tiếp theo trang 17)

3.) Khoa giáo-dục về cần-lao và kỹ-luật tất nhiên phải dùng phương-pháp thực-tế và hoạt động. Những bài học bài làm đều đều có liên-lạc mật thiết với cuộc đời và rèn cặp thiếu-niên vào sự hoạt-động trong xã-hội.

Những bài tinh-đồ về toán-học, vật-lý-học, hóa học đều lấy đầu đề ở công việc trong nhà máy hay xưởng thợ : giờ làm việc, giá tiền, sản xuất, cách chia sẻ các hóa phẩm, sự xây dựng và tổ-chức các xưởng nghệ v. v...

Trong trường có những xưởng nghệ-nghiệp để học-trò tập những công việc về sắt gỗ, có những vườn thí nghiệm để tập việc giồng giọt — Sau đó chúng sang học tập ở một xưởng máy. Sát nhập vào một bọn thợ, chúng lần lần qua các xưởng khác nhau để nhận xét sự biến hóa vật liệu thành hóa phẩm.

Rồi lại sang tập việc ở phòng thử hóa-phẩm cùng những phòng tích trữ vật liệu, những phòng khảo sát khí cụ, những phòng kiểm soát và tiêu thụ đồ hàng. Được đối đãi như những thợ thuyền chúng sống cái đời lao-động và tập quần trong nhà máy. Những buổi học thực hành luôn luôn đi liền với những bài học về lý-thuyết. Tất cả những môn học khác đều hòa hợp với các môn kỹ-thuật để làm sự liên-lạc lý thuyết và thực hành lại càng chặt chẽ thêm. Thí dụ : cách bồi-bổ đất cát để giồng-giọt chỉ dạy sau những bài học địa-dư và cách-trị về đất cát ; những bài học về công dụng của vật liệu phải dựa vào những bài học tương-đương về khoa vật-lý học và hóa-học — Đó là một sự cố gắng rất hay : hòa-hợp các môn học để ứng dụng vào sự biến hóa kỹ-thuật theo muốn hình-trạng của cần-lao. Theo chương-trình đó học trò sau 7 năm ở nhà trường ra đã thân thái những thói tục hay về sự làm việc biết cách dùng

các khí cụ cùng máy móc, hiểu cách tiến-hành của từng việc sản-xuất, sự ích-lợi của nó về phương-diện xã-hội cùng sự liên-lạc với toàn-thể tổ chức kinh-tế trong nước. Như vậy họ có thể hiểu rõ những công-cuộc mà họ tham-dự vào. Họ đã vượt được sự tương phản của lý thuyết và thực-hành nó chia rẽ phái kỹ-sư và phái thợ thuyền và gây ý-tưởng đẳng cấp bởi sự phân biệt chức vụ.

NÓI tóm lại, giáo-dục thanh-niên ở ba nước chuyên - chế đặt trên chủ - nghĩa quốc-quyền khác với ba nước dân-chủ mà giáo-dục lấy sự tôn-trọng cá nhân làm nền tảng.

Giáo-dục chuyên-chế chủ ở thể-dục, đức-dục và sự hoạt-động, khác hẳn với một nền giáo-dục chủ ở lý-trị, lấy việc nung rèn trí-não làm mục - đích sự trọng thể-dục, đức-dục và sự hoạt-động trong nền giáo dục Ý, Đức và Nga làm ta nghĩ đến nền giáo dục ở Anh và Mỹ. Tuy nhiên có nhiều chỗ khác nhau xa lắm.

Thể-dục ở ba nước chuyên-chế có tính-cách võ bị, mục-dịch là rèn những tên lính dũng cảm để dự-bị chiến-tranh — Ở Anh và ở Mỹ thể-dục là một khoa rèn đức tính-khí

Ở Mỹ và ở Anh, phương-châm của đức-dục là rèn những đức-tính làm người, và làm dân — Ở Ý, Đức và Nga, mục đích của đức-dục là rèn thanh-niên thành những bầy-tôi trung-thành của một chủ-nghĩa chính-trị, của một chính-đảng, một chính-thể.

Giáo-dục ở hai nước trên cũng như ở ba nước dưới chú-trọng về sự hoạt-động của thanh-niên. Nhưng ở Anh và Mỹ, sự hoạt-động đó là sự hoạt động tự-do : nó được tự-nhiên phát-triển theo sở thích và tài năng của cá-nhân. Còn ở Ý, Đức và Nga, sự hoạt-động của thanh-niên luôn luôn hướng dẫn theo một chiều mà chính-phủ đã định.

(Còn nữa)

VŨ-ĐÌNH-HÒE

Vấn-đề thanh-niên với quyền...

(Tiếp theo trang 15)

sinh, ta khó có thể như một nhà giáo sư Pháp nọ cảm động tưởng tượng sẽ nhỏ lên sau này, trong đám đầu xanh củi trên sách, một vài nhà bác-học, một vài nhà nghệ sĩ làm danh dự cho tư tưởng.

Phải cải tạo lại một nền giáo dục, phải sửa lại một quan niệm về cuộc đời, phải đem lại lòng ham yêu tha thiết lý tưởng cho thế hệ thanh niên này. Nhưng phương pháp cải tạo ra sao? Đó lại là một vấn đề khác cần phải xét riêng.

Ở nơi nào tác-giả đã xét đoán quá nghiêm khắc?

Như trên kia tôi đã nói tác giả quá nghiêm khắc với cả bọn học trò tư thực. Tác giả kể một chuyện học-trò gọi thầy giáo bằng « toa » ở trên xe lửa (tr. 39), nhưng những học-trò ấy và nhất là thầy giáo ấy đều cũng là những quái tượng không phải là để ta gặp nhan nhản được. Tác giả bảo bọn thanh niên ấy chỉ mơ tưởng « liếm gót những nàng Tây Thi » ! Thực là quá đáng, và tác giả đã tả cái nô lệ của con giai đối với con gái đến nỗi tôi phải ngưng ngựng. Trong một cuộc du lịch kia, lúc xe hỏa đỗ, bọn trẻ nhỏ đổ xô nhau bám quanh mấy cô me tây. Tác giả bảo đó là những con quỷ của dục vọng thấy bóng đàn bà thì nổi lòng ham muốn ! Tôi tưởng tác giả đã lấy tâm hồn một người dưng tuổi già nghĩ cử chỉ vô tội của lũ trẻ thơ. Một vài anh thấy điệu bộ mấy ả ấy lạ mắt chạy lại, rồi các trẻ khác vui đùa đồ sớ theo đám đông, có gì là lạ ! Thế mà tác giả đã làm tôi ghê tởm về những thói trụy lạc hèn hạ ấy !

Tác giả nói : hầu hết toàn thể thanh niên là thế này cả ; nhát sợ, ỷ lại, thiếu óc phê bình (nghĩa là ngu), giàu óc trời kệ, không trọng kỷ luật, hỗn láo, thô tục, thích đàn đấm, tôn thờ đàn bà, lười biếng, thiếu tinh thần thích nghi... Chao ôi ! một vực sâu đợi họ. họ sẽ từ từ « đi xuống huyệt » ! Phụ nữ Việt-nam ư ? — Ỗ lại, lẳng mạn, ưa bài bạc., đủ các tật xấu. Kéi luận : một thế hệ thanh niên đã chết rồi tuy còn hình xác.

Những ý tưởng bi quan ấy, mặc dầu nó có dựa vào sự thực ở nhiều trường hợp, cũng không tránh khỏi quá đáng và bất công. Chính tôi đã được gặp những thanh niên có lễ độ, yêu học thuật, vượt một lý tưởng. Thanh niên ưa hoạt động và nuôi lý tưởng ở nước ta không phải là không có, chỉ hiếm vì những trường hợp của sự sinh hoạt không lợi cho sự phát triển những tính tốt ra mà thôi. Ta nên thương hại bọn thanh niên đó một chút, mà chớ mặt sáit họ quá lời. Nhiều người có chí hướng cao, nhưng hoàn cảnh thường không cho họ được toại nguyện. Một số thanh niên

Việt-nam thương lưu lưạ như bị một bệnh buồn của thế kỷ (un mal du siècle) làm họ chán ngán vậy.

Qua các bộ phận của cuốn sách

Cuốn sách của ông Thái Phi có 6 chương. Trong lời trung cáo ông nói về ý nghĩa của quyền sách. **Chương I** xét về nền giáo dục xưa và nay là có giá trị hơn hết cả. Trong **chương II** ông kể những tật xấu của thanh niên Việt-nam hiện đại. Chương này là chỗ gặp gỡ của nhiều quan sát đúng sự thực và cũng nhiều quan sát qua nghiêm khắc thành ra sai lầm. Ở **chương III** tác giả phê bình những cuộc cải cách giáo dục từ xưa tới nay ở nước ta. Tác giả đã định giá khá đúng những phương pháp giáo dục hiện hành. **Chương IV** và **V** dùng để phác họa xã-hội Việt-nam mai sau và kể những đức tính của một thanh niên ở tương lai. Tôi nhận rằng tác giả đã xét nhận đúng ở nhiều chỗ, nhưng tôi thấy rằng cái thành kiến của tác giả về giá trị của « óc khoa học » không đặc biệt gì cho lắm và có lẽ lại là một ý tưởng ngăn ngại nữa. Trước sự sản lạn của văn minh Tây Phương, người ta hô to : « Khoa học ! chỗ nào cũng phải cho khoa học vào ! » Người ta nói « óc khoa học » mà chẳng định rõ cái tinh thần ấy và thường quên rằng liều thuốc linh nghiệm cho thanh niên ta bây giờ có lẽ là lòng ham yêu tha thiết (enthousiasme) hơn là « óc khoa học » ra chính lý gì đó, vì có « óc khoa học » là một tính tốt cho học thuật hơn là cho sự cải tạo tinh thần của một dân tộc. Tác giả nhận dịp nói về óc khoa học có viết : « Đối với tinh thần khoa học thì tất cả cái gì khi phân tích ra lần trót mà không dẫn đến những sự kiện (faits) hay những cái tương quan trong các sự kiện thì không có giá trị gì cả ». Phỏng một tinh thần như vậy có thể hướng dẫn người ta trong sự thấu hiểu đời không ? (Xin xem Pascal : óc tinh nhuệ và óc quy củ. Esprit de finesse et esprit de géométrie-Pensées).

Trong **chương VI** tác giả bày « một kế hoạch đề tạo nên một người Việt-nam mới ». Tác giả bày tỏ ý kiến về giáo dục. Ở các học đường tác giả muốn có một « chương trình học đơn giản và thiết thực », tác giả mong muốn thể dục và cưỡng bách đầu quân được chỉ là ý sẵn sớ tới. Những ý tưởng ấy rất sáo hợ thời. Cũng rất hợp thời ý muốn triệt nền văn chương mơ mộng (mơ mộng dễ dãi và vô vị hân thể, vì chắc ông Thái Phi cũng hiểu « mơ mộng » không phải bao giờ cũng là xấu. Có thứ mơ mộng là tài sản của các thi sĩ, nâng cao tư cách của đời người), văn khiêu dâm, và kiếm hiệp (văn kiếm hiệp không nghệ thuật trong đó có xen lẫn vào những truyện tình sống xã, thí dụ ; Thất kiếm thập tam hiệp v. v. ; chứ thực ra văn kiếm hiệp gây tính anh hào và lòng can đảm, truyện thần

tiên cho người ta yêu đẹp và thiện rất có ích cho con trẻ, có ích hơn là những khoa học khô khan tập cho trẻ tính toán : (xem Anatole France : *Le livre de mon ami* — Edmond Jaloux : *Le reste est silence*).

Tác giả dành chương thứ VII để nói sơ qua về Phụ nữ giáo dục. Tuy nghiêm khắc nhưng tác giả nhận xét nhiều điều rất đúng. Phụ nữ Việt-nam phần nhiều vì ít học, hay vì ít thấu hiểu được cái tinh túy của học vấn nên đã có rất nhiều tật xấu : phù phiếm, chỉ ưa những sản vật lạ, làm thường, hay ỷ lại và dựa vào danh vọng của đàn ông mà kiêu hãnh vô lý, không hiểu bổn phận làm vợ và nhất là làm mẹ. Người đàn bà là mẹ các danh nhân, nếu người đàn bà không hiểu nhiệm vụ của mình thì con đặt những hi vọng quá cao về thanh niên sao được. (Thống chế Pétain đã đề ý đến sự bất phụ nữ ở lại phần Sự thiên nhiên của họ. Cách giáo dục phụ nữ ở nước Đức cốt để tạo nên những bà mẹ có thể huấn luyện thanh niên từ lúc nhỏ). Nhưng ở một điểm này ông Thái Phỉ đã nhầm theo ý tôi : ông nói phụ nữ Việt-nam thuộc phái mới không muốn để vì sự ồn đến sắc đẹp. Ông lo cho sự suy vong của xã-hội Việt-nam ! Ôi ! ông lo xa quá và ông đã quá vội vàng đem một ý tưởng có giá trị ở bên Pháp áp dụng vào sự này. Ở Pháp từ hồi chiến tranh 1914-1918, số sinh tăng rất ít, thuyết cá nhân mạnh, nên người ta hồ hào chống lại nạn sợ đẻ. Ở nước ta trái lại người ta đẻ nhiều quá, và một vài nhà kinh tế và nhân chủng học người Pháp ở đây đã phải kêu ca về điều đó, sợ rằng đất ít, dân số cứ tăng mãi (số tăng mà phẩm không tăng !) thì sự nghèo nàn sẽ là tình trạng của tương lai nếu xứ Đông-dương không được kỹ nghệ hóa. Và lại đám đàn bà tân tiến nghĩ đến sắc đẹp của mình mà sợ đẻ tuy vậy có là bao. (Nhưng gia đình trang lưu và thượng lưu Việt-nam ít nhất cũng ba bốn con). Xem đó thì rõ ta cần phải thích nghi các tư tưởng Tây Phương với tình trạng đặc biệt ở nước ta. Đền cả các ý tưởng về gia đình cũng cần phải suy xét cẩn thận trước khi thấu nhận nó. Những giấy liên lạc trong gia đình ở Pháp gần đây bị lỏng lẻo. Trái lại ở nước ta từ xưa tới nay có lẽ người ta sống cho gia đình nhiều quá mà quên cả quốc gia, nhân loại (học để kiếm tiền nuôi gia đình, để làm vẻ vang cho gia đình bởi chức tước ; lấy vợ sớm vì gia đình. Bao nhiêu công sức quý hóa bị ngừng lại !), vì vậy bây giờ ta phải cải tạo lại gia đình theo phương pháp mới của vị thống chế nước Pháp, nhưng nói vậy không phải là bảo ở nước ta những giấy đoàn kết ở gia đình cũng đã bị lỏng hoặc đứt như ở bên một vài nước ở Âu-châu.

Ý kiến đại cương của tôi về vấn đề thanh-niên giáo-dục

Trong cuốn sách nhỏ về giáo dục của ông Thái Phỉ, phần kể các phương pháp cứu chữa bệnh hoạn

của thanh niên có một tính cách rời rạc và hơi hồ đồ. Ông nói : này tinh thần độc lập, này óc khoa học, này óc thực tế, này yêu đời, này vui vẻ, này hoạt động. Nhưng tôi có cảm giác những phương pháp ấy chỉ là những chữ kêu như Hugo khi viết : Ánh Sáng, Văn Minh, Tiến Bộ, Tự Do... vậy. Sự xếp đặt theo thứ tự các đức tính thanh niên cần phải có cũng lại không được hoàn toàn lắm, Một thí dụ : « Thanh niên phải có ý thức quốc gia — thanh niên phải có một lý tưởng — thanh niên phải tránh sự sa hoa và phụ thuộc... ». Tránh sa hoa và có một lý tưởng là hai điều theo liền nhau hơi có vẻ ép gượng.

Theo ý tôi, đáng để lên đầu hàng những sức mạnh tinh thần mà thanh niên Việt-nam cần phải có ấy là lòng ham yêu tha thiết (nó sẽ đưa đến sự tìm lý tưởng, sự hi sinh, tinh độc lập, tinh hoạt động). Lòng ham yêu tha thiết (passion, enthousiasme) sẽ gây các nhân cách đặc biệt và sẽ nâng tỉnh thanh niên dậy. Một nhà văn sĩ Nga đã viết : « Cho tình yêu là cho tất cả ». André Maurois đã viết : « Thanh niên không được ưa an phận. Tuổi trẻ muốn an phận là một tuổi trẻ lâm bệnh... Ở những ham yêu mạnh mẽ của tuổi trẻ sẽ nảy ra sức mạnh cả tạo xã-hội... kẻ nào đặt những tính toán vị kỷ trước những ham yêu bằng bột là một người già, dù họ 20 tuổi ! » (*La Jeunesse devant notre temps*). Bà De Staël cũng nghĩ tương tự như vậy : « Lòng ham yêu là một tính tình cho ta nhiều hạnh phúc nhất » (*De L'Allemagne* Phần IV.)

Vì vậy theo ý tôi, một nhà tư-tưởng như Gide tuy có thể reo rắc những tư-tưởng có nhân, khoáng lạc nguy hiểm cho thanh-niên, nhưng đối với thanh-niên Việt-Nam, những ý-tưởng của ông về lòng ham yêu thực là quý hóa : « Tôi thích ai gì bất người ta phải chọn ở hai đường : Chết hay sống oanh-liệt » (*L'Ermitage n° de Février 1898*). — « Nothanael, ta dạy anh lòng yêu thiết-tha... Nếu linh hồn ta có chút giá ấy là vì nó đã cháy nóng hơn một vài linh hồn khác » (*Nourritures-terrestres*).

Chúng ta đã nhận thấy một bệnh trạng thông thường của thanh-niên Việt-Nam : ít ham thích và tâm-hồn hoặc nguội lạnh, hoặc tha-thiết với vật nhỏ mọn ở đời. Thanh-niên ta khác thanh-niên Âu-châu về chỗ đó : « Nathanël, je t'enseignerai la ferveur » để nhắc lại câu của tác giả cuốn « Những đồ ăn nhân thế ».

Kết luận

Ông Thái-Phỉ viết cuốn *Một nền giáo dục mới* với lòng thiết-tha tôi rất kính-phục. Quan tâm đến vận-mệnh của thanh niên đã là một triệu chứng rất tốt ở xã-hội ta bây giờ. Ông có một vài thành kiến đã đưa ông đến sự quá đáng và sai lầm trong

(Xem tiếp trang 28)

(Tiếp theo)

NẾU Mậu đã mê Qui, đường bỏ hẳn bà? Câu họ bình phẩm văng vẳng bên tai « người như thế để em cướp mất chồng ». Câu truyện tự bà gây ra, nhưng rồi có thể đến cái kết quả ấy. Điều dự định của bà đã thành công một quãng đầu, bây giờ bà phải làm sao cho cô em không cướp được chồng, hiểu địa vị mình chỉ là người vợ lẽ, bao giờ cũng dưới quyền bà, bà muốn cho thế nào thì nên thế.

Đến lúc bà Mậu ăn cơm chiều, Mậu và Qui mới dẫn sách về. Họ đều có dáng mỏi mệt. Mậu cắp một gói lớn, Qui lê giày đi đằng sau. Thấy bà Mậu, họ đều có vẻ ngạc nhiên và khó chịu; bà Mậu đến đột ngột giữa lúc họ không ngờ.

Mậu vội vàng gò một tươi cười, hỏi vợ:

— Mợ đã lên đấy à?

Qui chào theo:

— Chị đã lên.

— Vâng, tôi lên sáng hôm nay. Cậu có gói gì thế?

— À, mấy thứ vặt, với vài cái đĩa hát. Thế nào, ở nhà có truyện gì lạ không? Mẹ vẫn bình yên chứ?

— Mẹ vẫn được như thường, ở nhà cũng chẳng có truyện gì cả. Cậu và em đã ăn chưa, hay đi ăn cơm nhân thể?

Bà Mậu nhìn Qui: nàng cúi mặt đi thẳng vào buồng. Nàng thấy rằng một hòn đá bỗng nhiên ném vào mặt nước phẳng-lặng, một con chim giữ báo điềm không lành mới hiện ra.

Mậu niềm nở:

— Ừ, chúng tôi cũng chưa ăn. Bảo nó đi mua thêm cái gì về ăn nhân thể.

Qui ở trong buồng đang cời áo liền ngừng tay lại. Mậu và nàng đã ăn ở Hà-nội, định không ăn cơm nhà. Đã ăn rồi, việc gì phải nói dối? Nàng bực mình về chồng có dáng sợ hãi, lấy lòng vợ cả. Mậu muốn ăn, tùy ý. Nàng không ăn.

Qui lại mặc áo vào, cầm một gói giấy nhật trình nhỏ, đi ra. Bà Mậu nói:

— Đi ăn cơm nhân thể, em.

Nàng trả lời:

— Mời chị xơi, em còn no không muốn ăn. Bà Hai bên cạnh có nhờ em mua mấy thước lụa, để em mang sang trả bà ấy.

Mậu ngồi đến hết bữa, nói với vợ những truyện lằng nhằng, cốt dọn đường cho một câu khác cần hơn. Trước kia, chắc Mậu đã nói trắng ngay,

Đ Ú ' A C O N

Tiểu - thuyết của
ĐỖ ĐỨC - THU

không dẫn-đo, quanh-quần như lúc này. Tinh thần mặt hoàn-toàn của đôi vợ chồng đã để xen vào một chút ngượng-nguội, e-dè.

Con sen đã dọn xong mâm, Mậu vẫn ngập-ngừng chưa nói câu truyện chính, ông thường nhìn ra phía cửa, sợ Qui về; một lá tsau Mậu nói rất thản nhiên:

— Mợ có nhận được thư tôi không?

Bà Mậu với cái gói của chồng mang về để vào lòng, bắt đầu cời nút giấy gai:

— Có, tôi nhận được thư

của cậu hôm kia.

Mậu thấy một tia hy-vọng. Vợ nhận được thư và thân hành lên, Mậu chắc có mang tiền theo. Chỉ khéo léo một chút, vợ không nghi-ngờ gì, là có tiền tiêu. Mậu lại sẽ tìm cách cho vợ đi khỏi, để được sống những ngày vui vẻ với Qui. Trong lúc này, phải cẩn thận lắm.

— Mợ nghĩ thế nào? Cho vay như thế tôi tưởng lợi hơn chơi họ, lãi nhiều hơn và đỡ bấp-bênh. Họ góp dần, cuối tháng tôi ở sở, lấy ngay lúc lĩnh lương, thì không sợ mất mát hay chây lười gì nữa.

Bà Mậu đã cời xong cái nút thư nhất, bắt đầu đến cái thư hai:

— Gói gì mà buộc kỹ thế này?

— Mấy thứ vặt và vài cái đĩa hát. Người ta cần lắm, muốn có tiền ngay không thì họ hỏi vay chỗ khác. Tôi thấy chỗ chắc chắn và chắc mợ có tiền. nên tôi đã nhận lời người ta rồi.

Bà Mậu vẫn loay hoay với cái nút giấy gai, không ngừng lên:

— Người ta hỏi vay bao nhiêu?

Mậu nghĩ thầm: « có tiền rồi » và nói to:

— Họ muốn vay hai trăm, góp thành hai trăm rưỡi mười tháng, hoặc muốn thế nào khác tùy ý mợ. Họ sẽ làm giấy với tôi ở sở.

Mậu nghĩ thêm: « Minh sẽ bịa ra một cái vau-tự và đến lúc phải góp sẽ hay ».

Một tiếng động ở cửa ậu ngoắt nhìn ra. Mậu rất sợ Qui về giữ. Mậu ngong-ngóng chờ một câu của vợ như « kia anh chàng đợi tin về việc dạm cô Qui. Con sen mang đồ nước đặt lên bàn, rồi lại xuống nhà dưới. »

Bà Mậu đã cời xong mấy cái nút, mở tờ giấy gói:

— Như thế kể thì cũng lợi thật đấy, nhưng tiếc rằng lúc này tôi lại không có tiền.

Bao nhiêu hy-vọng của Mậu sụp đổ. Mậu thốt ra một câu:

— Mợ không có tiền à?

— Một lúc đột-ngột hỏi hai trăm bạc thì làm gì có. Tôi có chơi mấy bát họ, nhưng bây giờ không phải là lúc lấy, và toàn là những bát họ nhỏ cả. Lấy đâu ra mấy trăm ?

Bà Mậu cầm từng thức trong gói đặt lên bàn. Một lọ nước hoa, vài miếng xà-phòng, ba cái đĩa hát. Bà ngắm-nghía từng cái, và nhìn chồng. Đến lọ nước hoa, bà đưa lên mũi, tuy lọ còn mới nguyên, chưa mở nút.

— Lọ nước hoa này cậu mua bao nhiêu ?

Mậu đứng lên, đi lại trong gian buồng hẹp :

— Hay mợ hãy xoay tạm lấy số tiền đó, rồi tháng sau lấy họ đền vào.

— Cậu bảo tôi xoay đâu ? Vừa rồi đã phải lấy họ và chạy thêm mấy chỗ mới đủ nghìn bạc lo công việc cho cậu. Những chỗ lấy được tiền đã mắc cả rồi, bây giờ không còn đâu nữa.

Bước chân Mậu thành nhanh và mạnh. Mậu tiện tay bật đèn : ánh sáng làm bên ngoài tối hơn, và rõ người vợ đang nhìn chàng. Câu truyện đã xen từng hồi im lặng khó chịu.

— Nếu không có được cả hai trăm thì cũng phải cố xoay lấy một nửa vậy. tôi liệu nói với người ta. Chứ chỗ người lớn đã chót hứa rồi, biết làm thế nào ?

— Làm thế nào thì tùy cậu. Ai bảo chưa chi cậu đã đi hứa với người ta ?

Tôi chắc mợ có tiền thì mới hứa chứ ?

— Cậu biết đâu là tôi có tiền. Sao cậu không hỏi tôi trước ?

Các câu đối đáp lớn dần, mau, và gay-go thêm. Mậu đã thấy câu, tiếc công dần xếp câu truyện từ chiều mà không ăn thua gì. Nổi bực tức dần lộ ra. Người vợ vẫn yên tĩnh, chắc mình có lẽ phải.

— Nếu người ta cần, mà cậu đã chót hẹn, thì lấy tiền của cậu ra mà cho vay vậy.

— Tiền nào ?

— Món tiền tôi đưa cậu mấy tháng trước ấy.

Mậu đứng đi, dừng lại, nhìn vợ rồi nhìn xuống gạch. Thế là đã đến chuyện ông muốn giấu. Đã không lấy được tiền của vợ cả, ông cũng không còn mong bùng bit nữa. Trước sau cũng một lần nói ra. Mậu trả lời rất gọn :

— Hết rồi.

Người vợ có lẽ đã đoán trước được câu ấy, nhưng cũng ra bộ ngạc nhiên :

— Hết rồi kia à ? Làm thế nào chóng hết thế ?

— Tiêu chứ làm gì.

Một lúc im lặng.

— Mới mấy tháng trời, mà đã hết ba bốn trăm bạc. Ấy là chưa kể tiền lương của cậu. Cậu tiêu pha gì mà gớm thế ?

— Mua bàn, sắm sửa vào trong nhà, chứ đi đâu mà kêu. Vài bốn trăm bạc, mợ tưởng đã là to lắm đấy hẳn !

— Phải, không to. Nhưng trước kia thử không dành-dụm từng hào, từng xu, thì đâu có món

tiền ấy để bây giờ cho cậu phá. Sắm sửa vào nhà cửa ! Thử xem cậu sắm được những gì ? Một cái máy hát thờ ơ, còn thì giày, mũ, sắm ăn, sắm mặc bộ cánh cho sang để ngày nghỉ dặt nhau về Hà-nội, để ăn chơi cho xung-xướng !

Người vợ dần từng tiếng, giọng lý sự của hạng đàn bà vào tay ăn nói. Người chồng càng tức thêm. Mậu lại ngồi xuống ghế, trước mặt vợ :

— Ừ thì tôi ăn mặc, tôi đi chơi với em mợ đấy. Thế thì đã làm sao ?

Người vợ cũng không kém :

— Làm sao à ? Làm sao thì biết đấy, rồi đến lúc một đồng, một chữ không còn, sợ chẳng như thế được mãi.

— Mợ phải biết, tôi đi chơi là để vui lòng em mợ, tôi ăn mặc sang cũng là để cho đẹp mặt mợ.

Người vợ bấu môi :

— Chà ! đẹp mặt cho tôi ! Xưa nay cậu chẳng nghĩ thế cho. Con Quì nó là em tôi, nhưng bây giờ nó là vợ cậu, cậu muốn vui thú với nó thì cứ việc vui thú, can gì lại đổ vì tôi !

— Chính là vì mợ, vì mợ muốn tôi làm bạn với chị em trong nhà mợ, nên tôi mới phải hy-sinh mà lấy em gái mợ. Không thì thiếu gì người, mợ hiểu chưa ?

Bà Mậu không ngờ chồng dở đến giọng ấy. Máu đưa lên cổ, mặt bà đỏ lên, rồi tái đi. Bà im một lúc vì quá ngạc nhiên, rồi, không còn nén nổi sự tức giận, bà trả lời chồng :

— Cậu nói thế mà nghe được à, hử, cậu nói thế mà nghe được à ?

— Chứ không phải thế à ? Nghĩ xem ?

— Hừ, vì tôi mà cậu phải lấy con Quì ! Cậu nghĩ lại xem, nhớ lại xem cậu đã nói với tôi những gì. Tôi còn nhớ lắm. Sao mà chồng dở động thế ? Cậu có quên đề tôi nhắc lại cho, nhưng tôi chắc cậu chưa quên đâu.

Mậu quay mặt đi, không dám nhìn vợ. Con nóng của anh chàng như chỉ được có đến đấy. Trái lại, sự dạn dĩ của chị vợ tăng mãi lên.

— Vì tôi muốn mang nên muốn lấy vợ lẽ cho cậu. Ai cậu cũng chê, nào là quê mùa, ngờ nghệch bần thủ, không đáng ăn, đáng nằm với cậu. Phải, cậu cao quí lắm sạch sẽ lắm mà ! Đến lúc con Quì lên chơi, cậu vợ ngay lấy nó.

Con nóng của Mậu đã đi hẳn. Chàng đâm lúng-túng, chỉ mong cho vợ thôi nói. Người vợ đã tiếp :

— Cậu soay trăm phương nghìn kế, đổ dành tôi đủ điều. Tôi về nhà, mỗi ngày cậu gửi một bức thư, nào là « Hiền thế ». « Hiền thế nhá giám ! » Thôi thì đủ những câu nịnh-nọt. Lại còn những bức thư cầu viết cho đề nữa. « Vị cây dây quán », « Bờ hòn có rễ ». Cậu quên rồi à ? Thư tôi còn giữ cả. Tôi tưởng cậu tử-tế, ai ngờ ?

Bà nhô đầu sang phía Mậu, sửa soạn :

— Này, tôi bảo để cậu biết. Cậu không nịnh-nọt cầu khẩn tôi, thì cậu làm ngay đến ông tôi cũng không đem em tôi vào. Cậu biết chưa ?

Mậu ngồi ngay mặt. Chàng biết mình đuối lý, và nói gì nữa thì lại càng gây thêm dận-dữ cho vợ. Sắc mặt bà Mậu lúc ấy có thể đưa lên đến sự giằng xé. Mậu đành ngậm tăm, chờ cho qua cơn giông-tổ.

Nói được ngần ấy câu, người vợ như cũng đã hả được cơn giận. Bà im một lát, rồi nói thông-thả hơn trước:

— Đã tưởng giàu có, sang trọng lắm đấy, người ta phải vợ lấy kéo phi của! chưa chi đã dổ dọng phụ bạc ra. Còn đấy.

Qui về. Thấy hai người đối nhau, không ai nhìn ai, nàng biết ngay là có chuyện không hay. Mặt người chị đầy nộ khí, Mậu lúng-túng như người học-trò có lỗi. Nàng muốn nghe mấy chiếc đĩa hát mới mua, nhưng trong nhà có vẻ nặng-nề, âm-thầm quá. Qui thêm thõng nhìn mấy chiếc đĩa hát để trước mặt bà Mậu. Mậu cầm tờ báo dơ lên che lấy mặt, liếc nhìn Qui.

Ba người yên lặng diễn một tấn tuồng câm, bao nhiêu ý nghĩa ở cả sắc mặt và những cặp mắt liếc trộm lẫn nhau. Qui ngồi trong tối, dáng hiền lành hơn hai người kia. Nàng muốn đi nằm ngay. Cái thân-thể khỏe mạnh, đang sức ăn sức ngủ ấy, sau hai ngày mệt mỏi, cần được nghỉ-ngơi. Nàng băn-khoăn không biết lại nằm trong buồng như mọi tối, hay phải trả chỗ đó cho chị. Chỗ người vợ cả là người cạnh chồng. Qui thấy ý nghĩa sự cả lẻ trong chuyện ăn nằm, và thấy địa vị mình hèn kém.

Mậu vẫn ngồi im xem báo, người vợ cả vẫn ngồi im trước mặt chồng. Qui cũng ngồi im.

Bà Mậu đứng lên, lại dọn cái ghế ngựa bên ngoài, chỗ bà nằm hôm cưới Qui, và mấy đêm sau trước khi bà về với mẹ. Qui nhìn chị kéo ngay cái chiếu, rồi mặc màn.

Bà bảo Qui:

— Thôi khuya rồi, em đi ngủ đi.

— Vâng, chị cứ đi ngủ trước.

Qui đợi cho người chị nằm yên, rồi vào buồng.

Mậu ngồi xem báo rất khuya. Nếu đọc cả tờ báo từ niên hiệu cho đến hết các quảng-cáo, thì cũng không mất đến ngần ấy thì giờ. Anh chàng đang ở một lúc khó nghĩ hơn Qui khi nãy. Mậu cũng muốn đi nằm, nhưng không biết nằm giường nào.

Chàng yêu vợ lẽ hơn thì đã là lẽ dĩ nhiên, nhưng không nên lộ cho vợ cả biết, nhất là trong lúc này. Vừa rồi chàng mới thấy một thái-độ của vợ mà Mậu không ngờ đến. Trong mấy năm chung-đụng nó không có dịp biểu-lộ ra. Mậu vẫn tưởng vợ hiền lành. Bây giờ chàng thấy con người ấy cũng dả tay dằng buộc, trêu vào không hay ho gì. Nhớ lại sắc mặt, đôi mắt vợ, nghĩ lại những lời nói, chàng còn thấy sợ, sợ hơn là khi

ở buồng giấy, chàng đứng trước ông chủ.

Mậu gấp tờ báo. Trong gian nhà yên tĩnh, tiếng giấy sột-sạt như muốn cho mọi người biết rằng chàng còn thức. Mậu rót nước uống rồi đi quanh trong buồng. Chiếc ghế ngựa phủ màn trắng quá, Mậu không thấy rõ bên trong. Chàng liếc qua cửa buồng ngó vào giường vợ lẽ. Cai màn phơn phớt xanh, vì cái chao xanh ngon đều ngủ, có một vẻ thân mật, ấm cúng.

Trong lúc băn-khoăn ấy, Mậu thoảng thấy rằng hai người đàn bà đương làm bận lòng chàng, là hai chị em ruột. Theo lời vợ cả trước, và như đã nghĩ, thì họ sẽ thương yêu nhau. Lúc này Mậu cảm thấy cái tình chị em đó không an thua gì, không dúp chàng chàng tý gì. Mậu cần phải thu xếp địa vị mình cho ổn giữa hai người đàn bà. Cách khu-ừ của Mậu với họ, xê cần cho cách khu-sử của họ với nhau.

Mậu đã buồn ngủ và mệt lắm. Hôm sau lại phải đi làm sớm. Nếu có cái giường thứ ba trong nhà, thì chắc Mậu đã vui lòng lăn ra đấy. Mậu chỉ cần ngủ, ngủ như một con vật.

Một tiếng rờn rợn xê đưa ra từ giường vợ cả. Mậu lắng tai nghe, tiếng đó thôi ngay. Mậu cho là một tiếng ngáy. Anh chàng tự nhiên thấy khoan-khoái, và im lặng, lắng tai nghe một lúc nữa, vẫn không một tiếng gì, chắc chắn là vợ cả ngủ đã say, chàng xê tắt đèn, đi rất nhẹ lén vào buồng, như một tên ăn trộm.

Qui quay mặt vào phía trong, nằm dãn vào tường: Thân nàng bé nhỏ xà ngắn như một đứa trẻ, không chiếm hết mấy chỗ. Phía ngoài giường rộng thênh-thang, đã ba người nằm cũng vẫn còn chỗ. Mậu xê lay Qui; nàng không nhúc-nhích, mặt vẫn áp vào tường. Mậu nằm lui ra ngoài, duỗi thẳng chân tay, và nhắm mắt.

Đêm hôm ấy, trong ba người, người ngủ được ngon lành nhất là Mậu. Qui tưởng mình ngủ ngay được, nhưng lúc đi nằm, nàng thấy mỗi lúc một tỉnh ra. Nàng vẫn nghe thấy Mậu xem báo, đi bách bộ. Khi chồng tắt đèn vào buồng, Qui tự nhiên cười thầm, và khi Mậu đụng vào nàng, tuy có biết nhưng nàng vẫn nằm im.

Người vợ cả về, là bao nhiêu nỗi ban khoan trở lại với Qui. Lúc người thiếu-phụ đang dễ chịu, có một cảm tưởng ~~an toàn~~ ^{an toàn} có riêng một người chồng, hy-vọng được sống mãi mãi trong trường hợp ấy, thì người vợ cả lù lù dấn sát đến, nhắc cho nàng biết thân phận thấp kém. Bao nhiêu điều sây đắp, mong ước của nàng trong lúc thân mật với chồng lại thành sớ bỏ. Đó không phải là việc nàng, đã có người khác, có quyền hơn, lo liệu. Qui thấy một sự gì từng tức ngán nàng, như la mau tre sát mắt nàng lúc ấy. Bên kia lá màu lại là bức tường dày và chắc hơn. Qua được lá màu và bức tường thì chắc dễ thở hơn.

Bà Mậu cũng không ngủ được, không phải là tức chồng đã vào với Qui. Cái ghen của bà không thiện cận, ở chỗ xa chồng một tối hay hai tối. Bà đã vắng nhà hàng tháng. Bà đang nghĩ đến việc to tát hơn.

Bà Mậu thấy công việc đã xoay một chiều khác ý định. Qui không phải là người lấy về chỉ để đẻ con. Nàng không dễ sai khiến, tùy theo ý bà, và chồng cũng không còn như trước. Tâm tính chồng thay đổi cũng do ảnh hưởng người vợ lẽ. Bà thấy chồng dần dần xa bà, đang quay tới người em, bà hối hận rằng đã để cho họ tự do nhiều quá. Phải soay lại trường hợp ấy, nếu không xẽ đúng như lời người ta nói: «đề em cướp mất chồng».

Bà nghĩ: «Con ấy thế mà tai quái lắm. Phải liệu xem thế nào, chứ nó cũng không vừa, nó trẻ hơn mình, đẹp hơn mình, đàn ông bao giờ họ chẳng thích hơn. Mình lại đến nhức đầu mất. Thôi, đến đâu hay đó, rồi xẽ liệu sau. Tuy vậy nó cũng chưa khỏi tay mình».

Bà cố ngủ nhưng không sao ngủ được.

IX

Qui lùi lại mấy bước, ngắm bức ảnh nàng mới chèo lên tường, trong phòng khách, ánh sáng lấp lánh trên miếng kính bóng loáng, chung quanh viền một đường giầy nâu.

Bà Mậu vào, lại gần chiếc ảnh nhìn một lúc lâu. Đó là hình bán thân của Qui và Mậu. Mậu, tóc chải dần xuống đầu, trông trẻ và vui vẻ. Nửa người Qui che lấp phía bên trái Mậu, cái đầu thấp hơn nghiêng gần sát mặt chồng.

Qui nhìn chị, đợi một lời bình phẩm. Bà Mậu không lộ một vẻ gì, hỏi Qui:

— Ảnh đi chụp bao giờ thế?

— Em mới chụp với anh ấy hôm chủ nhật trước. Chị xem thế nào, có khá không?

— Đẹp đấy, nhưng không được đồng lắm. Ảnh trẻ quá. Anh ấy ở ngoài trông già hơn nhiều.

Qui cãi:

— Em tưởng đồng đấy chứ? Vào ảnh bao giờ nó cũng trẻ đi một tí.

Trong bức ảnh, Qui cũng trẻ và đẹp hơn. Không có vẻ mệt mỏi chán nản, nhiều lúc hiện trên vẻ mặt nàng. Hai cái miệng hơi cười, còn giữ được vẻ trẻ con gái. Đứng chung với Mậu kẻ cũng tốt uôi.

— Dễ thương người thợ ảnh xưa đi nhiều, nên trông mới trẻ thế. Tôi thấy nhiều hiệu chụp giống lắm mà vẫn đẹp.

— Ảnh này chụp ở một hiệu có tiếng nhất ở Hà-nội đấy. Họ tính giá gấp đôi các hiệu khác.

Bà Mậu nhìn bức ảnh một lúc nữa, rồi như nói một mình:

— Tôi với anh Mậu lấy nhau đã bao nhiêu lâu nay, mà chưa chụp chung một cái ảnh nào.

Qui không nhận thấy người chị mĩa mai nàng chụp ảnh chung với Mậu. Nàng thẳng thắn nói:

— Thế sao chị không chụp? Hay đề hôm nào về Hà-nội, chị, em, với anh Mậu cùng chụp một chiếc.

Bà Mậu cười nhạt:

Chụp ảnh thì phải sang trọng, đẹp để kia, chứ già với xấu như tôi thì dờ mặt ra làm cái gì!

Lần này Qui nhận thấy vẻ mĩa mai của chị. Mặt nàng xa xuống, nàng nói chệch đi, cho câu chuyện có ý-nghĩa khác.

— Cứ gì phải đẹp mới chụp được ảnh. Nếu chỉ đẹp mới chụp ảnh thì những người xấu ra không bao giờ có ảnh à? Muốn chụp thì chụp, chứ em thì đẹp để gì? Em tưởng cùng chung một chiếc, gửi về biếu để cũng hay.

Qui nói thế, chứ trong thâm tâm nàng không muốn chụp ảnh chung với chị và chồng, nàng chỉ muốn có mình nàng với Mậu trong cái kỷ niệm xẽ lưu lại mãi về sau này.

Bà Mậu trả lời:

— Thì cứ gửi ảnh của dì với anh ấy về cũng đủ, cần gì phải có tôi vào. Có tôi vào đấy, chẳng qua chỉ làm xấu cả ảnh đi!

Qui thêm khó chịu, người chị như nhất định gây sự với nàng, nói lại không tiện, mà im đi thì ức. Ấy mới một việc còn con, như chụp ảnh chung, mà đã sinh chuyện, thì sau này còn biết bao nhiêu chuyện khác, mong gì thân mật, gần gũi chồng thêm. Qui chán nản ngồi xuống ghế, nhìn bà Mậu vẫn đứng trầm ngâm trước bức ảnh.

— Cái ảnh này chụp mất bao nhiêu?

— Em không biết.

Trong lúc bực mình, câu nói thốt ra cộc lốc, giọng nói hơi chút sỗ sàng. Qui vội thêm:

— Em không biết anh ấy trả bao nhiêu.

— Thế đi không hỏi à?

— Không, em không hỏi. Lúc anh ấy trả tiền, em không có đấy.

— Thế sao đi lại biết được là ở hiệu ấy họ tính đắt gấp đôi chỗ khác. Tôi tưởng đi cùng đi với anh ấy, thì tiêu pha những gì, đi cũng biết chứ? Qui đã nói dối, người chị lúc vấn vấn càng làm nàng khó chịu. Nàng muốn dứt câu chuyện:

— Em biết họ tính đắt là vì em thấy người ta nói thế. Còn thường anh ấy tiêu pha, thì em không biết gì cả.

— Hèn nào mà mấy tháng nay, chẳng biết tiêu những gì mà dữ thế. Trước khi tôi xuôi, anh ấy còn mấy trăm bạc mà đã hết rồi.

— Em cũng chẳng biết anh ấy tiêu những gì. Chắc là sắm sửa vật vãnh.

Sắm sửa thì được cái gì? Toàn những thức vô dụng. Sắm quần, sắm áo, mà quần áo cũng còn nhiều chán, đến nỗi thiếu thốn gì mà đã phải may.

Mậu mới may cho Qui mấy chiếc áo. Thấy chị nói đến ăn mặc, nàng có ý trạnh lòng. Nhưng nàng vẫn muốn cho êm câu chuyện:

— Mấy trăm bạc thì chị tính là bao. Mỗi thứ mỗi tí thì nó hết đi ngay.

Muốn lấp việc nàng may ao, Quì tiếp :

— Mấy lại những chuyện mua bán là tự ý anh ấy cả.

Bà Mậu bực mình thấy việc gì Quì cũng đổ cho Mậu. Bà gọi chuyện ra là cốt để nói em, mà Quì đứng đưng không nhận một tí gì.

— Đã đành rằng tự ý anh ấy, nhưng khi anh ấy quá tay thì di cũng phải can ngăn chứ ! Mua sắm những thứ vô ích làm gì cho tốn bao nhiêu tiền. Mấy trăm đồng bạc không là bao, nhưng không phải là tiền mồ hôi nước mắt, dành dùm chắt chiu thì ở đâu ra. Khi tôi mới về với anh ấy, giang sơn chỉ có cái giường nát, mấy cái chiếu mốc, mấy cái ghế gãy chân. Ở cái nhà tồi tàn, trời mưa nước dột vào trong nhà thành vũng, phải lấy chậu thau mà hứng. Cái áo cưới tôi phải tha ba bốn năm mới may được áo mới. Thế mà vẫn phải chịu đựng, dần dần mới thấy mát mặt. Bây giờ sinh phá tán như thế, thì rồi đến núi cũng phải hết. Chẳng lo rồi dễ không có mà đeo !

Quì thấy khổ lắm. Rõ ràng người chị nói nàng đã cố nhịn, nhưng đến lúc này, nàng không chịu được nữa.

— Chuyện của chị với anh ấy ngày xưa là việc riêng của anh chị, em biết đâu. Còn như chị thấy anh ấy hoang phí thì chị bảo anh ấy, chứ chị trách gì em. Em biết đâu, em cấm làm sao được.

— Sao lại không cấm được ? Thế đi về đây làm gì ? Di cũng phải lo toan công việc ; lúc tôi không có đây thì trông nom nhà cửa, lo ăn lo làm, hay chỉ biết sống đôi nhau mà ăn chơi cho xứng, rồi sống chết mặc bay, đã có người lo liệu. Di là vợ anh ấy, mà bảo không ngăn cấm được, thì còn ai ngăn cấm được ? Khốn nhưng...

Mặt Quì đỏ dần, mặt người chị tái dần. Quì ngừng lên như bị roi quất vào người :

— Chị bảo khốn nhưng làm sao ?

Bà Mậu nhếch môi, dần từng tiếng :

— Khốn nhưng cả cậu lẫn mợ cùng muốn sang trọng, cùng muốn sắm sửa, cùng muốn đẹp mặt cả. Còn ai bảo được ai !

— Chị đừng nói thế ! Chị đừng nên thấy tôi may vài cái áo mà đã vội đổ những tiếng ấy cho tôi. Chị hỏi anh ấy xem có phải tôi muốn may, đòi may đâu ? Không phải vì bây giờ lấy chồng tôi mới may được mấy cái áo. Xưa kia ở nhà thì để tôi cời trăn. Chưa chi chị đã nói bóng nói gió, nào những chị phải mặc áo cũ hàng năm. Tôi có ngu đâu mà chị phải nói thế ? Chị nên biết rằng tôi lấy anh Mậu không phải vì tôi tham mặc áo mới, hay háms giàu sang, đỉnh chung gì !

— Phải, cô thì ham gì sang giàu, đỉnh chung, cô thêm gì mấy cái áo mới !

— Chị không phải mĩa ! Tôi tham giàu sang, thêm áo mới hay không thì chị đã biết. Tại sao tôi lấy anh Mậu, thì chị cũng đã thừa biết rồi đấy.

Bà Mậu nơi đứng đỉnh.

— Việc gì tôi mĩa. Mà tôi biết đầu được việc riêng của cô.

— Tôi lấy anh Mậu không phải chỉ là việc riêng của tôi.

— I hề dễ thương là việc của tôi ?

— Không phải thế hay sao mà chị còn hỏi.

— Thế nghĩa là vì tôi mà cô phải lấy anh ấy, phải hy sinh đời cô, chứ thực tình thì cô không bằng lòng ; anh ấy không xứng đáng với cô, có phải không ?

Quì không nói năng gì.

— Sao cô không nói đi ? Hôm nọ anh ấy cũng đã nói với tôi như thế. Anh ấy cũng vì tôi mà lấy cô. Sao mà khéo bảo nhau thế ! Thì ra cả hai người cùng chỉ vì hy-sinh mà lấy nhau, mà lại cùng vì tôi ! Rồi đến cùng sung sướng với nhau, cùng đi chơi với nhau. Cặp ảnh, cũng vì tôi cả !

Quì uất lên, không còn giữ nổi nước mắt. Nàng vùng đứng dậy vào buồng. Nàng vội quâ, xô vào bàn, cái lọ hoa đổ xuống, nước chảy lênh láng thấm ướt cái khăn giải sặc sỡ. Quì cũng không ngoảnh lại. Bà Mậu nhắc cái lọ lên, nhìn theo Quì.

Quì nằm vật xuống giường, úp mặt vào gối, khóc không lên tiếng. Nàng muốn đập phá một vật gì, đánh xé một người nào. Không hiểu sao nàng lại không to tiếng, đầu khầu với chị, hoặc túm lấy chị mà xoay một mẻ, rồi muốn ra sao thì ra. Đến nước ấy, tưởng chẳng còn tình nghĩa, kiềng nê gì. Nàng không nê như vậy, có lẽ vì tâm tính nàng đã thay đổi, chín chắn thêm. Cái nóng nảy của con trẻ đã pha thêm ít điềm đạm của con người đứng mực. Nàng vẫn muốn cho êm truyên.

Nỗi bực tức vội theo với nước mắt. Nàng bình tĩnh hơn, và lại càng thấy tủi. Bên ngoài, bà Mậu như nói một mình, nhưng đọng đủ cao để lọt cửa buồng.

« Hy sinh với chả hy sinh. Mình không bằng lòng thì để người ta chơi trần chơi tay mang vút lên giường nhà người ta được. Ai ép ? , đủ đồn, sung sướng với nhau cho chán, rồi cả anh lẫn chị còn nói làm bộ. Hy sinh như thế thì hy sinh được xuất đời, sợ không ồm lấy nhau được mãi ! »

Câu này lại càng thấm thía, Quì thấy tê tái chị nàng đã dở đến đâu thì thật hết đường cãi. Quì không ngờ đến thế, cho rằng nàng lấy Mậu chỉ vì muốn lấy chồng. Chị nàng, quá ghen, đã ăn mất lời xưa.

Lại còn Mậu. Nếu thật Mậu đã nói rằng vì hy-sinh mà lấy nàng, thì cuộc nhân duyên ấy thật không còn nghĩa lý gì. Không ai hiểu ai, tin ai. Mấy người như đã lừa nhau, mà nàng bị đau hơn hết. Nàng thường nghe người ta nói : hôn nhân nhiều khi chỉ là chuyện lường gạt, nhưng nàng không tưởng được sự dă dối đến bậc ấy, mà chưa hề thấy cảnh nào giống cảnh nàng.

Nàng sẽ hỏi cho ra. Không lẽ những lời ái ân của Mậu, những phút thân mật, âu yếm trong mấy tháng vừa qua chỉ là giả dối, Mậu không có tình gì, không yêu nàng. Quí đã thấy lắm bước ngay từ đầu. Nàng còn lấy ý nghĩa hi sinh vì chị để tự an ủi, và dựa vào tình ái của chồng để tự phấn khởi. Đột nhiên, hai điều đó cùng tan vỡ trong một lúc.

Quí vẫn chắc là Mậu yêu nàng, cho là một truyện dĩ nhiên phải thế. Hay là vì một lẽ gì khác, mà không thật lòng, Mậu đã nói ra câu ấy. Lẽ gì? Chiều vợ cả, lấy lòng, hay chỉ vì trong một lúc tức giận? Nếu vì muốn được lòng vợ cả mà ra thế, thì lại càng hèn dòn quá lắm. Quí đã có dịp nhận thấy người chồng không có khí phách, như hôm đi chơi về, anh chàng phải giả dối ngồi ăn

với vợ cả, không dám nói đã ăn rồi. Một người đàn ông như vậy, thì dù họ có thực yêu mình, cũng chẳng hòng trông cậy nổi gì...

— Nằm trong nhà ấy.

— Làm sao mà nằm?

— Biết đâu đấy.

Mậu đã về. Quí lắng nghe, tiếng giày Mậu đến cửa buồng.

— Vào mau, vào mau mà vấn an.

Tiếng giày dừng lại, im, rồi quay ra. Một câu nói của người vợ cả đủ làm anh chàng không dám vào buồng. Thái độ ấy càng làm rõ rệt sự hèn dòn.

Quí càng thấy tủi thân, và lại càng chán nản.

(Còn nữa)

= Văn-đề thanh-niên với quyền... =

(Tiếp theo trang 22)

xét đoán. Nhưng những bệnh trạng kể ra đều thực có ít nhiều ở thời-đại chúng ta. Ở trong đám thanh-niên, tôi cùng các bạn thường vẫn tự hỏi ta phải bồi đắp tinh-thần ta ra sao để trở nên người hữu dụng cho nhà và cho nước. và cũng nhận thấy những tật xấu của thanh-niên. Những phương pháp ông kê-cứu ra cũng có chút giá-trị, nhưng có lẽ ông không đi từ nguyên-tắc, ông định ngay các phương-pháp nhỏ. Trong sự giải-nghĩa các hiện tượng, các trạng-thái tâm hồn có lúc ông làm lẫn vì vội vàng. (Tinh hung hăng há phải chỉ do ở sự đọc truyện Kiếm-hiệp? — Óc trời-kẻ đâu phải hoàn-toàn do ở ảnh hưởng văn trào phúng? Trẻ con xúm quanh mấy chị đàn bà tro tráo đầu phải đều là thêm xác thịt?). Có khi ông khuyên răn sơ sài quá thành ra ngáy thoi: « Phải trông đời toàn màu hồng cả »! (tr. 88). Có khi ông bàn những thuyết-lý thiếu rõ rệt đến nỗi làm cho độc-giả ông đã tư-tưởng không chắc chắn: « Người hoài-nghị (le sceptique) là người không tin ở khoa-học mà chỉ tin ở mình quá (?) ». « Tóm lại về bất cứ nghề gì ta cũng phải theo cái thực lợi chủ-nghĩa (utilitarisme) mà dạy cho thiếu-niên biết một cách mau chóng » (tr. 110). Tôi hơi ngờ rằng chữ utilitarisme tác-giả đã method expériméntale, d'initiation par l'expérience (xin xem cả trang 110).

Ông Thái-Phí đã kết an thanh-niên và đặt nền-tảng một cuộc cải-cách nền giáo-dục Việt-Nam. Bên cạnh một ít xét đoán có chút sai lạc, chúng tôi phải công nhận rằng quyền sách của ông viết với nhiều nhiệt huyết và với một ý-định tốt vô cùng. Nó đặt vấn-đề thanh-niên lên thăm, nó gọi sự suy-nghĩ của mọi người. Về phương diện văn-chương, quyển « Một nền giáo-dục Việt-Nam mới » có những

đức-tính sáng sủa, rõ rệt và lưu-loát. Ta nhận thấy nồng ấm của lòng tác-giả trên trang giấy. « Một nền giáo-dục Việt-Nam mới » là một quyển sách có ích. Giá-trị của nó đáng lẽ tăng lên bội-phần nếu ông Thái-Phí đã đem nhiều công-bình hơn vào sự xét đoán và sống nhiều hơn nữa với thanh-niên để hiểu những nhu-cầu của họ,

DIỆU - ANH

L. T. S. — Vì kỳ này thiếu chỗ nên bài phê-bình hai cuốn: « Một sức khỏe mới » và « Nguồn sinh lực » phải để lại kỳ sau.

... Phổ-thông mà không làm giảm giá. . .

Đó là báo THANH-NGHỊ.

Các em gầy còm, sanh xao, lâu nhớn nên đòi cho được:

Kẹo thuốc TONIGOSS (1\$20)

có chất lọc ở trứng gà và chất calcium lấy ở xương nhung.

Các bà có trẻ bé trong nhà nên mua sẵn:

thuốc SIROP ENFANCE (1\$20)

phòng và trị các bệnh tiêu nhi: nôn, chớ, ăn không tiêu, khó ngủ hay mếu khóc vân vân...

Bán tại:

PHARMACIE VŨ-ĐỖ-THÌN

Hanoi và đại-lý các tỉnh

ĐỌC QUÁ BÁO CHÍ trong mạng

của DUY-TÂM

NHẮC lại việc đã qua, RENÉ CHAMBRE trong tạp-chí *Revue des deux mondes* (Paris Mai 1911) nói về tinh-thần kháng-chiến của thanh-niên Pháp trong đội hàng-không:

« Không quân đã quyết-chiến ngay từ buổi đầu, ngay từ hôm 3 S ptembre 1939 Họ không được hưởng cái yên lặng tám-tháng trong chiến-lũy Maginot. Họ đã bay cả mùa thu, cả mùa đông trong khi lạnh tới 60 độ dưới số không, trên một vạn thước cao... Trong trận đại-chiến này không-quân đã tỏ ra những đức tính cần phải để cho thanh-niên Pháp thái độ thái độ. Các gia-đình Pháp muốn cho cuộc đời của con bằng phẳng, muốn gạt bỏ những sự nguy-hiểm, những trở-ngại cho con, từ nay nên bỏ tư-tưởng đó vì chính nó đã đưa nước Pháp đến vực thẳm. Muốn giữ cho phần sắc được nguyên lành thì chỉ làm cho phần hồn phải tiêu-diệt. Mà một nước mất là vì linh-hồn không còn nữa ».

Cuộc chiến-tranh này đã bắt ta phải thăm-sát lại tất cả những thành-kiến, những tập-quán mà trước ta vẫn coi là bất-di bất-dịch. Một phần lớn dư-luận thế-giới cũng còn coi cuộc chiến-tranh này như là một hồi khủng-hoảng sau cùng kể-liệu cái chế-độ xã-hội cũ mà khởi-thủy một trật-tự mới.

Dưới nhan đề « sự kết-liệu của một chế-độ », MAURICE LAMBILLIOTTE viết trong *Revue Universelle* (Pháp, 25 Avr 1911):

« Sau thời-kỳ phá-hoại rồi sẽ kể đến thời-kỳ kiến-thiết; kiến-thiết thứ mà chiến-tranh đã phá-hoại, kiến-thiết cái vốn cần cho cuộc sinh-hoạt về kinh-tế. Các quốc-gia sẽ phải giả cho các đoàn-thể, các tư-nhân đã đem vốn cho quốc-gia tiêu trong hồi chiến-tranh. Đáng nhẽ thì quốc-gia phải giả họ cả tiền lời cả tiền vốn. Có như thế thì các nhà tư-bản mới giữ được các phương-tiện của họ, các yếu-lố làm cho họ có thể-lực về tiền tài.

Như thế có thể được không? Chỉ xem qua sự thật cũng đủ biết rằng không thể được. Nếu sau cuộc chiến tranh các quốc gia phải giả số nợ to tương đương thì sẽ phải bắt dân-chúng và nhất là bắt các người cần-lao chịu các khoản-thuế nặng quá số họ làm được. Mà ở trên cạnh cái gánh nặng tiêu-cực về nợ chiến-tranh, còn bao nhiêu gánh nặng tích-cực mới mà quốc-gia phải gánh đáng nữa?

Có một điều chắc chắn là ngay lúc đầu, ngay sau hồi đình-chiến, sự gây dựng lại vốn chỉ trông mong vào cần lao, và vì tư-bản không còn đủ nữa, chỉ trông mong vào sự trưởng-lệ của quốc-gia. Phải cần lao có thể-lực to nhất sẽ nêu ra nhiều vấn đề to tát mới lạ. Nếu nền-tảng các quốc-gia không vì thế mà thay đổi, thì ít ra chỉ h sách của chính-phủ cũng phải đề ý đến thể-lực của phái cần-lao; tuy rằng chính sách ấy chỉ là tạm-thời...

Gây lên sự giàu có, gây lên vốn, phải cần lao khó lòng lại nhận rên đức cái khi-cụ của thể-lực tư-bản mà họ vẫn phản kháng từ trước tới nay. Vậy ta có thể nghĩ rằng: cái vốn do cần-lao gây dựng lại sẽ cốt yếu là vốn công-cộng để phụng-sự một chính-sách trong đó lợi-chung sẽ ở trên lợi riêng của tư-nhân ».

Nói tóm lại, tác-giả đoán rằng cần lao sẽ là nguyên-tố thứ nhất trong cuộc gây dựng xã-hội ngày mai, nhưng cần-lao không đứng về phương diện giai-cấp để gây sự rối loạn với tư bản nữa, mà sẽ là một phương-tiện để thực-hành một lý-tưởng chung cho cả đoàn-thể.

(Xem tiếp trang 31)

Đã có bán

Thăm hiềm mặt trăng

SÁCH HOA-MAI SỐ 2 CỦA VŨ-TINH GIÁ. . . . 0\$10

Các bạn thích ngắm trăng thu, đều nên có cuốn Thăm hiềm mặt trăng, để biết trên cung trăng có những gì, cảnh thực trên cung trăng như thế nào? Cuốn sách đó có tính cách hoàn toàn khoa học, có ích cho học sinh bằng một trăm bài cách trí.

Nhà xuất bản Cộng-Lực

9 Takou Tél. 962 Hanoi

Sách mới

Chúng tôi nhận được những cuốn sách sau này:

1- **MƠ HOA**, tập kịch ngắn trong treo dây thì vị của nhà kịch sĩ tài hoa Đoàn Phú-Tứ, 170 trang, Giá Op.88.

2- **TRỐNG MÁI**, tiểu thuyết của Khái Hưng, trong Tự-Lực văn đoàn, 204 trang. Giá Op.80 hai cuốn sách trên do nhà Đời Nay xuất bản.

3- **LỜI TIM NON**, tập thơ của Xuân Tâm, 79 trang. Giá 1p.00. Xin thành thực cảm ơn các nhà gửi tặng và vui lòng giới thiệu những cuốn sách trên với các bạn đọc.

Thế giới

TRONG THÁNG VÙ'A QUA

của V. L.

Thống-chế Pétain đã nói :

« Xưa nay, nước Pháp vẫn là nước có những cuộc tái sinh xán lạn và lạ lùng. Dĩ vãng của nước Pháp bảo đảm cho tương lai nước Pháp. »

THÁNG vừa qua chưa mang lại cho chúng ta một việc gì quan-trọng có thể làm thay đổi cục-diện thế-giới, nhưng tháng vừa qua nhắc nhở trong trí nhớ mọi người nhiều kỷ-niệm sâu xa.

Đã ai quên được cuộc hiến-động xảy ra ở biên-thùy Bắc kỳ, hồi Septembre năm ngoái làm đổ máu bao nhiêu binh-sĩ anh - dũng. Chính - phủ vừa làm lễ kỷ niệm các quân lính tử-trận hồi đó một cách rất cảm-động ở Lạng-sơn và Đồng-đăng.

Mà hẳn ai cũng còn nhớ vừa đúng một năm tròn, cũng vào tháng này, Thống-chế Pétain đã can-đảm đứng ra nhận lấy trách-nhiệm nặng nề xây dựng lại quốc-gia-Pháp. Các đoan cụu-chiến-binh ở Pháp và ở đế-quốc đã cử-hành rất long trọng lễ kỷ-niệm ngày thành-lập ra đoàn. Nhân dịp đó quốc-trưởng Pháp đã hô-hào sự đoàn-kết của mọi người để lập thành một duy-nhất chống lại với đảng Cộng-Sản và để cải-tổ lại nước Pháp.

Ở nước Pháp

Mọi người vẫn bình-tĩnh cần-cù tìm cách xây dựng lại tổ-quốc. Tuy thị ở các miền bị chiếm đóng nhất là ở Ba-lê xảy ra nhiều cuộc bạo-động : nào vụ ám-sát hai ông Laval và Marcel Déat suýt làm nguy tính-mệnh hai nhà chính-trị có tài, nào việc ông cựu nghị-viên cộng-sản Marcel Guitton bị bắn chết. Còn những việc ám-sát các binh-sĩ Đức xảy ra luôn. Vì thế Đức đã bắn chết nhiều con tin hoặc dân Do-Tử thuộc đảng Cộng-Sản ; Thống-Chế Pétain phải đứng lên hô hào dân Pháp nên bình-tĩnh ; và để trừng-trị những công cuộc có hại tới quốc-gia, mới lập ra tòa án Quốc-gia (Tribunal d Etat) để xử những hành-động có hại tới nước Pháp. Bản án dự kết tử hình cũng đem xử ngay không có quyền chống án. Hội-đồng Thương-thu lại vừa lập ra Hình-pháp Hội nghị (Conseil de Justice) để xử những người có trách-nhiệm làm nước Pháp bại-trận. Hai tòa án cao cấp đó đều có quyền sử theo lẽ công bằng không cần chiều theo luật.

Muốn làm cho việc cai-trị được nhất-trị, Thống-chế Pétain vừa ký một đạo sắc-lệnh bỏ 6 viên.

Mặt trận Nga-Đức

Vừa đến tháng cuối Septembre, cuộc chiến-tranh Nga-Đức vừa dài đúng 100 ngày. 100 ngày giết hại ghê gớm mà kết quả chưa rõ rệt lắm tuy Đức đã thắng một trận to chiếm được thành Kiev, một trong bốn đích của quân-đội Đức.

Quân Nga tuy đã hết sức đánh vào mặt trận trung-ương để giải vây cho Kiev và Odessa mà cũng không được. Dùng chiến-sách gọng kìm, quân Đức đi vòng ra phía sau Kiev, hợp hai đạo làm một vây chặt lấy Kiev. Thành Kiev vì thế mà bị mất, nhưng một phần lớn quân đội Nga cũng ra thoát được vòng vây. Trước khi bỏ thành, quân Nga đã phá hết không còn để lại một chút gì : Kiev ngày nay chỉ còn là chỗ hoang-địa. Số thiệt hại bên rất lớn : mỗi bên mất không kém trên dưới một triệu người. Thật là cuộc tàn sát có một không hai trong lịch-sử.

Vì thế gì Nga bị thua, tuy chiến-cụ có thừa, quân lính nhiều vô kể ? Người ta nói đến hai lẽ :

1-) Lẽ thứ nhất là thiếu một đại-tướng có tài cầm quân. Cái đó cũng có phần đúng vì bao nhiêu đại-tướng của nước Nga hồi trước đều bị tàn sát cả. Mà người ta đã nghiệm rằng không thể mỗi chốc mà sản xuất ra một đại-tướng được. Phải trông vào thời gian và kinh-nghiệm. Hai điều đó quân đội Nga đều thiếu.

2-) Lẽ thứ hai là nước Anh nói rằng giúp mà chỉ hứa xuông chứ thực chưa giúp được chút gì gọi là đặc lực. Vẫn cái chính sách lấy thực-tế làm trọng, chỉ nghĩ đến mình. Chính sách đó đã làm hại Pháp, làm hại Hi-lạp. Ngày nay lại giúp một phần lớn cho sự thắng trận của Đức ở miền nam Báo giới Nga đều ta thán về thái độ thờ ơ đó. Mà ngay chính các báo giới Anh cũng phải lên tiếng phản nân.

Mà thái-độ của Anh cũng hơi kỳ quặc. Tuy quân Anh có chiếm lấy Ba-tư lập một trận tuyến mới ở Cận-đông nhưng bên Anh thì những việc phái tàu bay đi đánh phá những miền căn cứ của Đức rất là thừa thớt.

Dù sao vừa đến cuối tháng Septembre thì tình thế mặt trận Nga-Đức như sau này : Lénigrad và Moscou vẫn bị vây riết, Kiev bị mất rồi làm nguy ngập cho toàn hạt Ukraine và miền Caucase (có mỏ dầu hỏa lớn) ; ở giữa trận tuyến thì quân Nga thắng lợi có lẽ đã chiếm được Smolenk.

Một bài diễn-văn quan-trọng

Đó là bài diễn-văn của tổng-thống Roosevelt đọc ngày 11 Septembre. Sao việc mấy chiếc tàu Mỹ, hoặc tàu chiến, hoặc tàu chở chiến-cụ cho Anh bị tàu bay và tàu ngầm Đức đánh đắm (người ta hết chắc như thế là vì Đức yên lặng không cải chính) tổng thống Roosevelt tuyên-bố ở vô-tuyến-diện truyền-thanh rằng ta đã ra lệnh cho các tàu chiến Mỹ bắn các tàu Đức, Ý vào hải-phận Mỹ. Hải-quân Mỹ đã phái nhiều tàu chiến đi hộ vệ các thương-thuyền và lùng bắt tàu ô Đức.

Trong khi đó thì ở Hoa-thịnh-Đốn chính-phủ hết sức cổ-động bãi bỏ luật trung lập tuy phải phản đối văn hành-động giữ.

Tình-hình Viễn-đông

Mặt trận Hoa-nhật vẫn không có gì đáng kể tuy mấy hôm gần đây quân Tàu phản công ở mười chỗ và quân Nhật thì báo tin chiếm được Trường Xa.

Việc giao-thiệp Mỹ-Nhật càng ngày càng thân-thiện. Tuy Nhật tuyên-bố không ra khỏi hiệp-ước

tam-cường, không ra khỏi Trục nhưng đã sắp sửa ký hiệp-ước với Mỹ để cho xong các việc ở Thái-bình-dương. Nhật chịu để cho tàu Mỹ tải chiến-cụ cho Nga qua Vladivostock. Người ta nói rằng chính-sách của Nhật chú-trọng về thực-tế cốt cho mình thoát khỏi vòng vây kinh-tế của Mỹ-Anh-Hòa-lan.

Ở Đông-dương

Chính-phủ Đông-dương đang tìm cách dùng nguyên-liệu trong xứ để thay những vật không nhập-cảng được nữa. Năm nay ở Hanoi sẽ mở Hội-chợ để tổ lực-lượng kinh-tế của xứ này.

Việc giao thiệp của Chính-phủ Đông-dương và Nhật càng ngày càng bền chặt. Ông Kenichi Yoshizawa, cựu tổng-trưởng ngoại-giao, được bổ làm đại sứ đặc-biệt ở Đông-dương. Ông Shige Kuriyawa, cựu đại-xứ Bỉ sẽ giúp đỡ ông Yoshizawa ở Hanoi. Còn ở Saigon sẽ có ông Uchiyawa cựu đại-sứ ở Argentine. Phái-độc Yoshizawa có trách-nhiệm về các phương-diện: chính-trị, kinh-tế, văn-hóa. Phái bộ binh-bị Sumita sẽ giải tán. Ông Sumita đã trở về nước rồi.

Độc qua báo chí trong ngoài

(Tiếp theo trang 29)

Nhưng xem tình-thế hiện-thời thì có nhẽ còn phải đợi lâu nữa mới bắt đầu kỷ-nguyên tốt đẹp kia. Bây giờ chiến-tranh còn đương bùng-bùng từ Tây tới Đông.

Về việc kháng-chiến ở Tàu, báo *Revue Nationale chinoise* (Juillet 1941) có bài nói đến con đường Điện diện :

« Theo tình thế hiện thời, cái đường ấy chỉ đủ để tải được từ 4 đến 5 nghìn tấn mỗi tháng; nếu đó sửa sang lại về cách vận-tải và về cách quản-trị thì có thể tăng số hàng hóa vận tải lên đến 7000 tấn một tháng nhưng như thế thì có lẽ sự giao-thông bị tắc lại.

Việc khó khăn chính là con đường giải quá mà tải bằng ô-tô đắt quá thành ra không có hiệu quả mấy cho việc vận lương thực. Hai-phần ba số hàng hóa tải đi đã phải để dành để tải ét-săng dùng cho ô-tô chạy. Ví dụ như hai lượt đi về từ Lashio đến Trùng-khánh phải dùng tới 1600 lít ét-săng nhưng ô-lô chỉ mang được độ 2 tấn rưỡi hàng. Cái sức ép của dầu ét-săng giảm sức hàng-hóa có thể tải được cả có 700 ki-lô ».

Xem thế thì con đường Điện-diện không lợi gì cho chính phủ Trùng-khánh lắm.

Cũng trong số báo ấy, ông J. Brissac nói về cách tổ chức hải-quân của chính-phủ Uông-tĩnh-Vệ.

« Chính-phủ Nam-kinh mở một trường Đại-học Hải-quân; ngày 21 Mai, đoàn võ quan thứ nhất học ở trường đó vừa mới thi ra. Những võ quan đó sẽ bổ dụng trong ngạch hải quân.

Nhưng việc khó hơn là tìm đủ tiền để dựng nên một đội chiến thuyền dù đội chiến thuyền đó tầm

thường đến đâu chẳng nữa. Các nhà chức trách cũng hiểu như thế. Ông Chen Kung Po vừa đây trong một bài diễn văn có nói : « Chúng tôi để ra 30 năm để đóng chiến thuyền và 20 năm để luyện tập thủy binh. »

... một nước chủ trọng về nghề nông không thể trở nên một cường quốc về thủy quân được. Cần phải thay đổi nền móng kinh tế, xoay về kỹ nghệ và thương mại. Cứ chuyển chỉ về nghề này thời thì không đủ tiền, đủ tài về máy móc để sáng tạo và gìn giữ một đội chiến thuyền quan trọng.

Trong khi chờ đợi, chính-phủ trông cậy vào nước Nhật giúp chiếc tàu chiến. Hai Siu vừa được nước Nhật giả lại các quán cảng Sơn-đồng, Nam-kinh, Quảng-đồng đều vừa sửa sang lại nhiều phồng ngư-lôi và pháo-thuyền đương đóng. Đó là một bước đầu tầm thường thật nhưng việc gì chả thế phải bắt đầu từ chỗ đáng bắt đầu ».

油 强 南

MARQUE DÉPOSÉE

Nam Kinh

Xem cách dùng trong đơn

MIỄN HIỆU TRÌNH TỌA

Em dụ các em bé dùng được

Bán tại : Hanoi Nguyễn Văn Đức, số 1 hàng Hầm -
Nam-dịnh : tổng đại lý cả các phủ huyện : Việt-long
28 Bến Lũ, Saigon ; Phúc yên, Hải-phong, Hong y, Xin
hối Mai linh. Bắc-ninh: Vinh hưng- Phú thọ: Văn sinh

9 Octobre sẽ có bán số 1

TUẦN BÁO NGÒI BÚT

Ra ngày thứ năm

Chủ nhiệm **P. N. KHUÊ**

Cái bệnh giang hồ của Nguyễn Tuân (Trương Tửu) Cảnh cáo bọn ngụy trí thức (P. N. Khuê) Bài trừ lãng mạn (N. B.) Sức khỏe mới của loạt thanh niên mới (P. N. Khuê) Giang hồ khát (thơ của Đỗ Phồn) Đã đến lúc phải tổ chức bằng rượu vang bất tốt (Tiểu ông) Giặc văn sĩ, giặc phá bình, giặc bạn (Bút chì đỏ) Cái diên của bác hàng giò (truyện của Nguyễn Đình-Lập). Cụ Phạm Quỳnh quả trách ông Đình Gia-Trình... Thơ ngủ nhà của báo Tin Mới văn chương (T. T.) Nhật ký (Vi Huyền Đức).

Mỗi số năm xu

Thư từ xin gửi về Ô. Nguyễn xuân Tái
53, Phố Tiên Tsin — Hanoi

ECLAT D'ARGENT

Dentifrice de choix



PHARMACIE DU BON SECOURS

Mme NGUYỄN - ĐÌNH - HOÀNG

Pharmacienne de 1ère classe

52 bis, Boulevard Đồng-Khánh

HANOI

CÙNG CÁC BẠN ĐỌC

Các bạn mua năm có tên sau này xin kíp gửi ngân phiếu cho nhà báo. Mong các bạn hiểu tình thế và lượng thứ cho. Xin trân trọng cảm tạ các bạn trước.

PHẦN NGHỊ LUẬN : M. O. (Thủ đầu một).

CẢ HAI PHẦN : M.M. Ph. x Th (Mỹ-tho), Tr v Ph (Hà-tĩnh), L v Đ (Lao-kay), Đ đ g V (Huế), L v A (Mỹ-tho), K. C. (Sông-cầu), Ng đ Đ (Quảng-yên), Hg t C (Thanh-h)

GIÁ BÁO :	3 tháng	6 tháng	12 tháng
PHẦN NGHỊ LUẬN	—	1\$10	2\$10
PHẦN-TRẺ EM	1\$00	2\$00	3\$90
CẢ HAI PHẦN	1\$50	3\$00	5\$80

Chè tẩy không đau bụng.
Dùng ít nhuận tràng,
thông tiêu tiện. Dùng
lâu khỏi hẳn bệnh táo,
mụn, nhọt, lở, ngứa,
làm cho da trắng
và mịn. Rất hợp
với tạng đàn bà.

TISALAXA

Bán tại :

Pharmacie

TÍN

HANOI

và các hiệu thuốc lớn ở
ĐÔNG-PHÁP